ĐẠI HỌC QUỐC GIA **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1044/QĐ-ĐHQG	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1554/QĐ-ĐHQG ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021- 2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-ĐHQG ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-XHNV-HCTH ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược giữa kỳ giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Công văn số 165/XHNV-HCTH ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc phản hồi ý kiến góp ý của các ban chức năng về Kế hoạch chiến lược;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo đề xuất tại Tờ trình số 07/TTr-XHNV-HCTH (Tờ trình đính kèm).

Điều 2. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có trách nhiệm ban hành và triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, phấn đấu đạt được mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

Điều 3. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đánh giá thực hiện kết quả hoạt động hằng năm theo các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng ban các ban chức năng, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Các Phó Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, KHĐT.

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Hải Quân

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số đến: 5376
Ngày đến: 17/11/2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 07/TTr-XHNV-HCTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược giữa kỳ giai đoạn 2021-2025 của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Kính gửi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-XHNV-HCTH ngày 09/6/2023 về việc tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá giữa kỳ Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Thông báo số 63/TB-XHNV-HCTH ngày 03/7/2023 về Kết luận của Hiệu trưởng trong Hội nghị sơ kết đánh giá giữa kỳ kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021-2025.

Nhà trường kính trình Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh các nội dung thống nhất điều chỉnh trong Hội nghị sơ kết đánh giá giữa kỳ kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021-2025.

MỤC	NỘI DUNG CŨ	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
Tầm nhìn	Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành trường đại học nghiên cứu trong hệ thống ĐHQG-HCM, nằm trong tốp đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của châu Á	Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành trường đại học nghiên cứu trong hệ thống ĐHQG-HCM, thuộc nhóm đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Đông Nam Á.
Mục tiêu chiến lược	Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV trở thành trường đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại, chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế. Tối ưu hóa nguồn lực hiện có của Nhà trường để thực hiện kế hoạch tự chủ đại học từ năm 2022.	Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV trở thành trường đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại, chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế.
Phân tích bối cảnh		- Những bất ổn do chiến tranh và xung đột; - Hậu quả để lại của đại dịch Covid -19 tới nền kinh tế và những tác động đến tâm lý, cuộc sống của người dân; - Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực KHXH&NV;

		- Việc ban hành các chính sách mới: Nghị định 50/2022/NĐ-CP, Thông tư 11/2023/TT-BGDĐT; - Những khó khăn nảy sinh trong quá trình tự chủ; - Biến động về nhân sự chủ chốt của Nhà trường.
Phân tích SWOT		**Điểm mạnh:** - Có mối quan hệ mật thiết và mở rộng hơn với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, cũng như cơ quan chủ quản ĐHQG. **Điểm yếu:** - Quá trình tin học hóa diễn ra chậm, chưa đồng bộ; - Thiếu các quy định, hướng dẫn về việc tin học hóa trong hoạt động của giảng viên, sinh viên.
Các KPI chính	**Chiến lược 4: Đào tạo và đảm bảo chất lượng** - Số lượng các ngành được đào tạo liên thông từ đại học lên sau đại học (5) - Số lượng ngành được mở mới ở bậc Đại học/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ (5/5/10) - Số lượng các chương trình liên kết được mở mới (5)	**Chiến lược 4: Đào tạo và đảm bảo chất lượng** - Số lượng các ngành được đào tạo liên thông từ đại học lên sau đại học (2); - Số lượng ngành được mở mới ở bậc Đại học/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ (9/8/3); - Số lượng các chương trình liên kết được mở mới (6). **Chiến lược 5. Phát triển KH&CN, Phục vụ cộng đồng** **Mục tiêu 1:** Chuyển hoạt động 2 (Đề án Trung tâm nghiên cứu KHXH&NV) qua giai đoạn 2026-2030 **Mục tiêu 2:** **Bổ sung hoạt động 5:** Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về phương pháp luận và kỹ năng nghiên cứu cho mọi đối tượng **Bổ sung hoạt động 8:** Tính giờ nghiên cứu khoa học cho các hoạt động liên quan đến NCKH Sinh viên, tổ chức hội thảo, tổ chức khóa tập huấn. **Mục tiêu 4:** **Chuyển hoạt động 7** (Công ty Văn Khoa chuyển giao các ứng dụng kết quả nghiên cứu) sang giai đoạn 2026-2030 **Bổ sung hoạt động 8:** Ban soạn thảo làm rõ nội hàm các sản phẩm có thể thương mại hóa trong KHXH&NV và tổ chức các tọa

		đàm để lấy ý kiến/ phổ biến việc thương mại hóa các sản phẩm này.

Nhà trường đã cập nhật những thông tin điều chỉnh trên vào Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021-2025 (phụ lục đính kèm). Nhà trường kính trình Đại học Quốc gia phê duyệt Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 (rà soát và điều chỉnh) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HC-TH.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Ngô Thị phương Lan

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(RÀ SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Thành phố Hồ Chí Minh – 02/2024

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- BGH	Ban Giám hiệu
- VC&NLĐ	Viên chức và người lao động
- CTĐT	Chương trình đào tạo
- ĐH	Đại học
- ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia Thành phố Chí Minh
- GV	Giảng viên
- HV	Học viên
- SV	Sinh viên
- ThS	Thạc sĩ
- KH&CN	Khoa học và Công nghệ
- KHXH&NV	Khoa học Xã hội và Nhân văn
- NCKH	Nghiên cứu khoa học
- P.ĐT	Phòng Đào tạo
- P.ĐN&QLKH	Phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học
- P.HC-TH	Phòng Hành chính – Tổng hợp
- P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
- P.KT&ĐBCL	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- P.TT&QHDN	Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp
- P.QT-TB	Phòng Quản trị - Thiết bị
- P.TC-CB	Phòng Tổ chức - Cán bộ
- P.SĐH	Phòng Sau Đại học
- P.TTPC-SHTT	Phòng Thanh tra pháp chế - Sở hữu trí tuệ
- P.ĐN&QLKH	Phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học
- P.KT&ĐBCL	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- QLP	Quản lý phí
- ĐTTT	Đào tạo trực tuyến

MỤC LỤC

PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ....1
1. Bối cảnh....1
2. Cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch chiến lược Nhà trường....5
PHẦN II. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC....8
1. Điểm mạnh....8
2. Điểm yếu....10
3. Cơ hội....12
4. Thách thức....13
PHẦN III. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025....15
A. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC....15
B. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NHÀ TRƯỜNG....15
C. CÁC CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ....15
1. CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC....15
2. CHIẾN LƯỢC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC....17
3. CHIẾN LƯỢC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH....19
4. CHIẾN LƯỢC VỀ ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG....20
5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG....22
6. CHIẾN LƯỢC VỀ CÔNG TÁC NGƯỜI HỌC VÀ VĂN HÓA ĐẠI HỌC....28
D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN....29
PHẦN IV. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025....31
1. Về chính sách....31
2. Suy giảm quy mô đào tạo, tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục....31
3. Nguồn thu mới theo cơ chế tự chủ không đảm bảo chi thường xuyên....32
4. Giải pháp về tổ chức bộ máy và nhân sự....32
Phụ lục 1. CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHCL
Phụ lục 2. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
Phụ lục 3. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG (LOGFRAME)
Phụ lục 4. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Bối cảnh

Xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ trong giáo dục để tiến tới xây dựng và vận hành mô hình đại học số, hệ sinh thái trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao sản phẩm tiếp cận công nghệ 4.0. Quá trình chuyển đổi số sẽ tạo sự liên kết hữu cơ giữa các đơn vị đào tạo, nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo, xây dựng kênh giao tiếp trong giáo dục, trong đó có giáo dục đại học, dựa trên nên tảng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực KHXH&NV làm cho hướng tiếp cận giáo dục không còn đi theo lối mòn truyền thống mà luôn phải đổi mới, sáng tạo cho phù hợp sự phát triển của công nghệ. Bối cảnh này có tác động lớn đến việc giảng dạy, học tập cũng như nghiên cứu trong môi trường đại học, tạo ra những hướng nghiên cứu mang mang tính liên ngành cao. Từ đó đòi hỏi có sự thay đổi hệ thống từ công nghệ dạy học đến các hoạt động học tập, thực tập thực tế, giáo trình, học liệu, cơ sở vật chất, năng lực tiếp cận công nghệ của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu và người học.

Những chủ trương, quyết sách của Đảng và Nhà nước trong việc đẩy mạnh tiến trình thực hiện tự chủ đại học những năm gần đây đã và đang đặt ra những thách thức, yêu cầu đòi hỏi các cơ sở GDĐH phải không ngừng đổi mới để thích ứng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học cùng với Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực từ ngày 15/02/2020 đã đánh dấu sự thay đổi trong việc tiếp cận giáo dục đại học. Khuôn khổ pháp lý mới này đặt ra cho các cơ sở GDĐH nhiều trăn trở trong việc xây dựng thiết chế quản trị cần thiết để thực hiện lộ trình tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình với các bên liên quan và với xã hội.

Luật Giáo dục đại học sửa đổi có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mô hình đại học quốc gia, trong đó khẳng định: "Đại học quốc gia, đại học vùng là đại học thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước". Vì thế, Nhà nước có chính sách riêng: "Ưu tiên đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại

học, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao, phát triển một số ngành đặc thù, cơ sở giáo dục đại học có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước". Những cơ sở pháp lý mới đặt ra cho đại học quốc gia phải hoàn thiện về tổ chức bộ máy, trong đó có việc thành lập Hội đồng trường của các trường đại học thành viên, xây dựng cơ chế vận hành cả hệ thống đại học quốc gia cho phù hợp với quy định mới của luật giáo dục đại học.

Năm 2020 là cột mốc quan trọng của một chặng đường thành công qua 25 năm hình thành và phát triển ĐHQG-HCM. Đại học Quốc gia liên tục được được ghi tên trong nhiều bảng xếp hạng đại học được công bố bởi các tổ chức xếp hạng uy tín trong khu vực và của thế giới. Kết quả này khẳng định rõ nét vai trò đầu tàu, nòng cốt của ĐHQG-HCM trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, góp phần tích cực cho sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo đại học Việt Nam trên trường quốc tế. Với vị thế hiện nay, Đại học quốc gia vẫn có sức hút lớn và là đơn vị đào tạo thuộc tốp đầu của cả nước. Song với nhiều cơ sở giáo dục đại học mới phát triển hiện nay, ĐHQG-HCM cũng đang chịu sự cạnh tranh khốc liệt và đòi hỏi phải đổi mới và không ngừng phát triển để giữ vững vị thế trong nước mà còn phải cạnh tranh với các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, ĐHQG-HCM là một trong ba nhân tố cho sự phát triển thành phố với vai trò là trung tâm đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố; sự thành lập thành phố Thủ Đức vào tháng 3 năm 2021 mà trong đó đại học quốc gia là một trụ cột cũng tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển của đại học quốc gia nói chung và Trường Đại học KHXHNV nói riêng.

. Trong xu thế phát triển chung đó, vai trò của các ngành khoa học xã hội và nhân văn ngày càng được chú trọng. Thông qua các hoạt động tư vấn xây dựng, phản biện chính sách, xây dựng các dự án phát triển, khoa học xã hội và nhân văn ngày càng có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của đời sống xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã cụ thể hóa các ngành khoa học cần chú trọng trọng phát triển, đó là: khoa học tự nhiên, khoa học- kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt, lần đầu tiên khoa học lý luận chính trị được nhấn mạnh đậm nét. Theo đó, yêu

cầu cần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội. Khơi dậy sức sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt trong công tác nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn. Gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội toàn cầu. Đến năm 2021, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát tốt hơn nhưng theo dự đoán của các chuyên gia y tế, dịch bệnh vẫn rất khó lường và có các yếu tố phức tạp, ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động trong đời sống xã hội trong đó có giáo dục đại học. Nỗ lực của Nhà nước, chính phủ, các cơ quan chuyên môn và người dân cả nước đã chung sức góp phần đẩy lùi dịch bệnh hoặc giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực do dịch bệnh gây ra nhưng những mất mát cả về vật chất lẫn tinh thần là không thể tránh khỏi. Tác động của dịch bệnh được dự báo là vẫn ảnh hưởng lớn tới nhiều mặt đời sống xã hội, mang đến nhiều thách thức cho ngành giáo dục nhưng đồng thời cũng mở ra những cơ hội và động lực để các cơ sở GDĐH trong việc tiên phong thử nghiệm những cách làm mới, nắm bắt lợi ích to lớn của công nghệ, chủ động thay đổi, sáng tạo để thích ứng với điều kiện khó khăn của dịch bệnh. Tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu ngân sách Nhà nước cũng như ngân sách hộ gia đình, nguồn đầu tư cho giáo dục có thể có những giảm sút đáng kể. Cuối năm 2022, dịch Covid-19 chấm dứt nhưng hậu quả để lại của đại dịch Covid -19 tới nền kinh tế và những tác động đến tâm lý, cuộc sống của người dân.

Việc ban hành các chính sách mới như Nghị định 50/2022/NĐ-CP và Thông tư 11/2023/TT-BGDĐT làm cho Nhà trường đứng trước thách thức về nhiều vấn đề trong hoạt động quản lý, nổi bật nhất là vấn đề nhân sự. Viên chức giữ chức danh giáo sư, phó giáo sư và viên chức có trình độ tiến sĩ thực hiện nghỉ hưu ở độ tuổi theo quy định của Nghị định số 50/2022/NĐ-CP sẽ ảnh hưởng đến tiêu chí về đội ngũ giảng viên trong xác định tiêu chí tuyển sinh; thiếu giảng viên để bố trí tham gia chủ trì và duy trì ngành đào tạo theo quy định; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, lĩnh vực giảm do số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi giảm (tiến sĩ hệ số 2, phó giáo sư

hệ hố 3 và giáo sư hệ số 4). Vì vậy, Nhà trường bị động trong kế hoạch đào tạo đội ngũ kế thừa vì kế hoạch chiến lược (KHCL) về nguồn nhân lực bị ảnh hưởng đột ngột. Nhà trường sẽ khó đạt được các chỉ tiêu về nguồn nhân sự đề ra.

Bộ giá trị cốt lõi: Sáng tạo – Dẫn dắt – Trách nhiệm và triết lý giáo dục: "Giáo dục toàn diện – Khai phóng – Đa văn hoá" là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành quả to lớn. Với hơn 60 năm hình thành và phát triển, nhờ vào nguồn lực mạnh mẽ cả về con người, văn hóa và cơ sở vật chất nên dù còn nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã khẳng định vị thế uy tín của mình là trung tâm hàng đầu của cả nước trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐH KHXH&NV lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 cũng đã đặt ra mục tiêu: Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện; đẩy mạnh tự chủ đại học, phát huy hiệu quả các giá trị "Sáng tạo – Dẫn dắt – Trách nhiệm" trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trong bối cảnh hiện nay và những dự báo tiếp theo sẽ diễn ra, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM đã xây dựng kế hoạch tự chủ đại học theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch của ĐHQG-HCM, hướng tới năm 2022, Nhà trường sẽ bắt đầu tự chủ theo đề án đã xây dựng. Do vậy kế hoạch chiến lược 2021-2025 của Nhà trường sẽ mang đặc trưng của một trường đại học tự chủ. Ngày 15 tháng 9 năm 2022, ĐHQG-HCM ban hành Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQG về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2022-2025, theo đó Nhà trường thiết lập các thiết chế nền tảng để thực hiện tự chủ đại học trong năm 2023 với vai trò là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo chi thường xuyên, Nhà nước sẽ tiếp tục đầu tư kinh phí không thường xuyên và kinh phí đầu tư phát triển, và Trường được tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính. Triển khai cơ chế tự chủ, Nhà trường sẽ có cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn từ việc đầu tư nghiên cứu khoa học đến đổi mới chương trình đào tạo và khẳng định thương hiệu Nhà trường. Cơ chế tự chủ đại học sẽ giúp Nhà trường chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong các hoạt động. Tuy nhiên trong quá trình tự chủ, Nhà trường cũng

vấp phải một số khó khăn như: tự chủ đồng nghĩa với việc nhà nước cắt ngân sách chi thường xuyên, thậm chí chi đầu tư, do vậy, nguồn tài chính của Trường gần như đặt lên vai người học, trong khi khả năng chi trả của người học là chưa cao nên trường phần lớn gặp khó khăn về quyết định nâng mức học phí; hoạt động đa dạng hóa nguồn thu của Nhà trường còn gặp rào cản bởi các luật và văn bản pháp quy khác như Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật đất đai, Luật sở hữu trí tuệ; tự chủ về tổ chức còn bị chi phối, chồng chéo trong các Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức, Luật Lao động;…

Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM hiện có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất là 21,38 ha; trong đó: Cơ sở 1 có diện tích 1,04 ha tại số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM; Cơ sở 2 có diện tích 20,34 ha tại Khu phố 6, phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM (tới tháng 12/2020, Trường hiện đang quản lý 12,55 ha; phần 7,79 ha còn lại đang chờ giải tỏa). Trên diện tích 12,55 ha đang quản lý, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả 33.531 m2 diện tích sàn phòng học, 4.000 m2 diện tích khu thể thao, 900 m2 diện tích phòng đọc thư viện. Cơ sở vật chất này đáp ứng đầy đủ phục vụ đào tạo hơn 11.000 SV hệ chính quy tập trung. Với lịch sử hơn 60 năm từ Văn Khoa, Đại học Tổng hợp đến Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Nhà trường đã tạo dựng được bề dày thành tích ở từng giai đoạn. Đây chính là cơ sở vững chắc để Nhà trường tiến hành các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để thực hiện các mục tiêu đề ra.

2. Cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch chiến lược Nhà trường

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 hướng dẫn Luật Giáo dục;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021 và Nghị định 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 bổ sung Nghị định số 85/2015/NĐ-CP;

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 14/2019/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025";

Thông báo số 542/TB-VPCP ngày 22 tháng 11 năm 2017 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp thường trực Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù để

phát triển Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín trong nước và khu vực;

Kết luận số 37-TB/TW ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công";

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐH ĐHQG-HCM và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐH KHXH&NV nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Quyết định số 1000/QĐ-XHNV-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2016 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;

Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQG ngày 15 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2022-2025.

PHẦN II. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC

1. Điểm mạnh

Điểm mạnh của Nhà trường bao gồm cấu trúc bộ máy của Nhà trường hiện đang vận hành hiệu quả, phát huy được tính quy trình hóa, kế hoạch hóa và phần nào chuẩn hóa trong hệ thống tổ chức, quản lý, hình thành cơ chế phối hợp giữa các đơn vị đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống trong việc triển khai các hoạt động của Trường trong bối cảnh hiện nay.

Nhà Trường là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu có uy tín quốc gia và quốc tế. Với truyền thống hơn 60 năm hình thành và phát triển, Nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong việc đào tạo những người có trình độ, bản lĩnh để nắm giữ các vị trí trọng yếu của đất nước cũng như đội ngũ cựu SV thành danh trên nhiều lĩnh vực.

Trường ĐH KHXH&NV là thành viên nòng cốt của hệ thống ĐHQG-HCM. Trong thời gian qua, đại học quốc gia đã khẳng định được vị thế trong hệ thống giáo dục Việt Nam và thế giới (ĐHQG-HCM được xếp hạng từ 701-750 các trường đại học trên thế giới). Tính hệ thống, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của ĐHQG-HCM ngày càng được củng cố và phát huy.

Trong những năm gần đây, Trường ĐH KHXH&NV có mối quan hệ mật thiết và mở rộng hơn với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, cũng như cơ quan chủ quản ĐHQG. Nhà trường tham gia tích cực trong các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã được nhiều địa phương trong cả nước nhìn nhận như một đơn vị tích cực hỗ trợ các địa phương phát triển, trong đó có các lĩnh vực như phát triển nông thôn, đồng hành cùng chương trình OCOP của chính phủ, xây dựng các đề án phát triển du lịch cộng đồng cho các địa phương,.. Để tham gia hữu hiệu cho các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thành lập một số đơn vị, trong đó có các trung tâm và công ty TNHH Dịch vụ Khoa học và Du lịch Văn khoa để thực hiện các kế hoạch này của Nhà trường và đã đạt được thành quả đáng kể.

Về nguồn lực con người: Nhà trường có hơn 50% đội ngũ cán bộ được đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu là ở các nước phát triển. Đội ngũ VC&NLĐ của Trường có khả năng hội nhập quốc tế rất cao, đều sử dụng được ngoại ngữ trong công việc và chuyên môn. Nhà trường là nơi hội tụ các nhà khoa học, giảng viên đầu ngành trong lĩnh vực

khoa học xã hội và nhân văn. Hiện nay, đội ngũ các nhà khoa học của Trường được đào tạo từ nhiều nơi trên thế giới đang là lực lượng quan trọng thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nhà trường có quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế về giáo dục, đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy Nhà trường phát triển, nâng cao uy tín trong và ngoài nước.

Hiện nay, Nhà trường là nơi đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có 34 ngành với 59 chương trình đào tạo bậc cử nhân thuộc nhiều chương trình đào tạo khác nhau. Ở bậc đào tạo đại học, Nhà trường có các chương trình đào tạo: chính quy, từ xa, từ xa – văn bằng 2, văn bằng 2, vừa làm vừa học, văn bằng 2 – vừa làm vừa học, song bằng và chương trình liên thông. Ở bậc sau đại học, Nhà trường hiện có 47 ngành đào tạo sau đại học (34 ngành đào tạo thạc sĩ và 17 ngành đào tạo tiến sĩ). Với quy mô các ngành đào tạo lớn là một trong những lợi thế để thu hút người học hiện nay. Nhà trường là một trung tâm đào tạo có sức hút đối với người nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo Việt Nam học và giảng dạy Tiếng Việt. Là thành viên của Đại học quốc gia, Nhà trường có lợi thế là được thực hiện thí điểm các chương trình đào tạo mới khi nhận thấy xã hội có nhu cầu.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường không ngừng được đổi mới và chuẩn hóa trên nền tảng gia tăng giá trị và nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo. Từ năm 2015, Trường đã triển khai thực hiện đào tạo giảng dạy theo CDIO cho 03 ngành bậc cử nhân là Ngữ văn Anh, Báo chí và Truyền thông, Giáo dục học. Kết quả các chương trình đào tạo đã được chuẩn hóa theo chuẩn quốc tế. Đến năm 2018, Nhà trường bắt đầu triển khai Đề án mô hình CDIO trên nền giáo dục 4.0, thí điểm triển khai chi tiết đầu tiên tại Khoa Giáo dục. Vì vậy, việc sử dụng các phương tiện công nghệ hỗ trợ, đa dạng hoá hình thức dạy - học, tương tác, kiểm tra - đánh giá tạo điều kiện khuyến khích dạy - học tích cực.

Nhà trường đã kí kết với hàng trăm đối tác trong và ngoài nước, chủ động thiết lập mối quan hệ với các trường đại học uy tín ở nước ngoài liên kết đào tạo để phục vụ yêu cầu đào tạo nhân lực cho khu vực và tạo tiền đề cho việc mở những ngành mà hiện nay Trường chưa đủ điều kiện đào tạo. Bên cạnh đó, việc hợp tác này là cơ sở để xây

dựng các chương trình liên kết đào tạo và mở ra triển vọng công nhận tín chỉ của nhau trong các chương trình đào tạo được quốc tế hóa.

Bước đầu, Nhà trường hình thành các nhóm nghiên cứu chủ lực, chuyên sâu, liên ngành đóng vai trò đòn bẩy, dẫn dắt, định hướng các lĩnh vực NCKH của Trường. Đã hình thành một số nhóm nghiên cứu mạnh và những chuyên gia thực hiện đăng ký nhiệm vụ KHCN các cấp nên số lượng đề tài về nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tăng đáng kể. Hướng đi này đang cho thấy triển vọng tốt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường đang được đẩy mạnh để hướng tới gia tăng các nguồn thu từ khoa học và chuyển giao công nghệ. Các chủ đề nghiên cứu phát triển theo cả 2 hướng hàn lâm và ứng dụng. Chủ trương của Nhà trường là những ngành khoa học cơ bản sẽ phát triển theo hướng hàn lâm đồng thời cũng hình thành các nhóm nghiên cứu hướng về những nội dung mang tính ứng dụng để thể hiện sự đa dạng cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Lĩnh vực này đang phát huy hiệu quả trong các hoạt động của Nhà trường trong vài năm gần đây. Điều này cũng làm cho VC&NLĐ Nhà trường chủ động tìm kiếm các cơ hội tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và phát triển chuyên môn theo định hướng cá nhân, từ đó tăng tính cạnh tranh trong việc phát triển thương hiệu của Nhà trường.

2. Điểm yếu

Khó khăn lớn nhất của Nhà trường là cân đối giữa nguồn thu và chi. Trong bối cảnh nguồn thu chủ yếu của Nhà trường là từ học phí và ngân sách Nhà nước trong khi nguồn ngân sách Nhà nước cho phần chi thường xuyên ngày càng có xu hướng giảm và học phí bị khống chế mức trần. Việc chỉ quy định khung học phí hiện nay cho các trường công lập là chưa hợp lý và bất bình đẳng vì phần ngân sách cấp không đủ bù cho các chi phí hoạt động của Nhà trường và ngày càng có xu hướng bị cắt giảm mạnh mẽ và học phí tính trên đầu SV sụt giảm giá trị thực nhiều lần. Khó khăn này dẫn đến nhiều hệ lụy về công tác quản trị, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Hệ thống quản lý của Nhà trường còn nhiều hạn chế, tỉ lệ tin học hóa trong quản trị đại học chưa cao, nhiều phần việc trong quản trị đại học vẫn phải phụ thuộc vào sức người và việc đánh giá hiệu quả công việc còn thiên về cảm tính; quá trình tin học

hóa diễn ra chậm, chưa đồng bộ; thiếu các quy định, hướng dẫn về việc tin học hóa trong hoạt động của giảng viên, sinh viên.

Nhà trường chưa thu hút và giữ chân được nguồn lao động chất lượng cao. Trong đó, hạn chế về nguồn lực tài chính là một trong những nguyên nhân quan trọng. Mức thu nhập của đội ngũ viên chức, người lao động còn thấp so mới mức chung của các trường công lập cũng như ngoài công lập.

Công bố quốc tế đang là một điểm yếu lớn của Nhà trường. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có một số chính sách nhằm khuyến khích công bố quốc tế của giảng viên và đã đạt được một số thành quả nhất định. Số lượng công trình được công bố đã tăng từ vài bài mỗi năm lên được gần 30 bài việc tăng trưởng này chưa có dấu hiệu bền vững. Hơn nữa, số lượng công bố như vậy vẫn còn khiêm tốn so với quy mô giảng viên của Trường. Bên cạnh đó, các nghiên cứu mang tính hàn lâm cũng đang dần mất đi lợi thế. Nhà trường chưa xây dựng được đội ngũ khoa học xã hội nhân văn đầu ngành do chưa có chính sách đào tạo và giữ chân đội ngũ tinh hoa trẻ trước sức hút của các trường dân lập. Số những người đạt các chức danh khoa học nhu giáo sư, phó giáo sư đang có xu hướng giảm và không đủ nguồn thay thế cho tình trạng chảy máu chất xám và nghỉ hưu.

Là một cơ sở đào tạo đa ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn song sự phối hợp giữa các đơn vị, cá nhân trong toàn cơ sở đào tạo chưa thực sự chặt chẽ và đồng bộ. Vì thế, chưa phát huy được hiệu quả tối đa việc sử dụng cơ sở hạ tầng trong đào tạo hoặc chưa đảm bảo tính liên thông giữa các ngành gần trong cùng cơ sở đào tạo. Việc mở những ngành đào tạo mới còn hạn chế do thiếu nhân lực đúng chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu của việc mở ngành.

Thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện chính sách nhân sự nên việc chi trả thù lao, lương bổng cho viên chức người lao động còn cào bằng dẫn tới thiếu động lực cho những người có năng lực thực sự và cống hiến nhiều cho Nhà trường. Trường chưa tạo được động lực cho VC&NLĐ phát huy được tối đa khả năng của mình; chưa đánh giá được chính xác năng lực làm việc của VC&NLĐ.

Công tác rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên và liên tục. Nhà trường chưa có sự đầu tư không gian phục vụ hoạt động tự nghiên cứu cho đội ngũ

giảng viên, nghiên cứu viên. Đặc biệt là công tác hậu tuyển dụng chưa quyết liệt. Công tác cử đi đào tạo, bồi dưỡng thiếu tính chủ động và khó thực hiện đúng kế hoạch chiến lược (chỉ phụ thuộc từ cá nhân đề xuất). Công tác kiểm tra, giám sát hiệu quả làm việc chưa thường xuyên và chặt chẽ. Thiếu các căn cứ để tuyển dụng nhân sự hành chính và kỹ thuật, tiêu chí đánh giá mức độ cần thiết, nhu cầu tuyển dụng (số lượng nhân sự, khối lượng công việc,...).

3. Cơ hội

Chuyển biến lớn của thế giới đang là một cơ hội cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Kỷ nguyên công nghệ số đã làm cho giao tiếp của con người thay đổi khiến cho nhân loại phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội chưa từng có trong lịch sử. Đại dịch Covid-19 cũng đã tác động sâu sắc tới đời sống của con người làm thay đổi tâm lí của rất nhiều người kể cả những người chỉ chịu tác động một cách gián tiếp. Tất cả những điều đó là vấn đề đặt ra cho các nhà nghiên cứu khoa học xã hội phải tham gia giải quyết. Mặt khác, xã hội càng phát triển và càng phức tạp thì càng phát sinh các vấn đề cần khoa học xã hội tham gia giải quyết thấu đáo.

Ngành khoa học xã hội và nhân văn đang được kì vọng bước vào giai đoạn thay đổi để phát triển. Xã hội đang nhìn nhận khối ngành này cần phải tham gia tích cực hơn trong để thể hiện vai trò quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, các nhà khoa học xã hội và nhân văn đang được trọng dụng trong các lĩnh vực xây dựng chính sách, quy hoạch, tham gia trong các đề án phát triển và phản biện xã hội.

Mô hình đại học quốc gia là một cơ chế mở hỗ trợ cho sự tự chủ và phát triển của các trường thành viên. Chính mô hình quản lý này đã tạo điều kiện cho các trường phát huy được sự năng động, đổi mới và sáng tạo để đạt được các thành quả thể hiện qua uy tín ngày càng cao của Trường. Tính tự chủ cao của mô hình Đại học Quốc gia là cơ hội cho các trường thành viên phát huy sáng tạo của mình trong việc mở các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhanh với nhu cầu của xã hội vốn biến chuyển không ngừng.

Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung có hiệu lực tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng hơn cho việc xây dựng cơ chế tự chủ trong chi tiêu thường xuyên của Nhà trường. Cơ chế tự chủ này sẽ giúp cho Nhà trường có điều kiện phát huy các tiềm năng

và nguồn lực sẵn có nhất là vị thế của một trường công lập có uy tín lâu đời. Đây là một cơ hội tốt để Nhà trường đổi mới cơ chế hoạt động, xây dựng kế hoạch để hướng tới một đại học tự chủ mà không làm mất đi truyền thống của một ngôi trường lâu đời có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản.

Mặt khác, đời sống kinh tế của đất nước nói chung và người dân nói riêng ngày càng cải thiện. Người dân sẵn sang chi tiêu cho giáo dục để con cái của họ có được môi trường đào tạo tốt nhất. Vì vậy, xây dựng cơ sở giáo dục đại học tốt, tạo được niềm tin cho người học và gia đình của họ là một lợi thế trong việc cạnh tranh trong xã hội hiện nay.

4. Thách thức

Cơ chế quản lý hành chính tạo điều kiện cho sự chủ động sáng tạo của Nhà trường nhưng sự chủ động này lại bị ràng buộc bởi cơ chế quản lý tập trung về tài chính theo quy định chung của Nhà nước vốn chưa phù hợp với thực tiễn đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu theo xu thế tự chủ. Các hạn chế này về tài chính đã khiến cho Trường không phát huy hết tiềm lực hiện có của Nhà trường.

Cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước đang ngày càng mạnh mẽ trong đó bao gồm cả khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Nếu như trước đây, khối ngành khoa học xã hội và nhân văn đều do các trường công lập đảm trách thì hiện nay khối ngành này hiện diện cả ở khối công lập và dân lập. Sức hấp dẫn về lương bổng từ khối ngoài công lập đang lôi kéo nhiều nhân sự trình độ cao của Trường trong thời gian qua. Song song đó, sự cạnh tranh trong công tác tuyển sinh của các trường trong đào tạo sau đại học ngày càng lớn, số lượng thí sinh dự tuyển sau đại học vào Trường chưa đáp ứng được kỳ vọng, có sự phát triển không đồng đều giữa khoa và bộ môn về nguồn tuyển sinh và nhân lực: một số ngành có nguồn tuyển sinh còn hạn chế; số ngành tuyển sinh mới hằng năm còn ít.

Là trường công lập khi tự chủ, ngoài việc đáp ứng nhu cầu của xã hội, Trường còn thực hiện nhiệm vụ chính trị đó là đào tạo các ngành phục vụ cho sự phát triển lâu dài và bền vững của đất nước, thực hiện chính sách đối với các đối tượng sinh viên.

Môi trường làm việc, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cần được đầu tư, trang bị đảm bảo đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của đội ngũ VC&NLĐ,

đặc biệt là đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Kỳ vọng về thu nhập, mức lương của một số nhân sự trẻ được tuyển dụng vào làm việc tại Trường chưa được đáp ứng đầy đủ.

Cho đến nay những quy định của pháp luật trong lĩnh vực giáo dục đại học và các lĩnh vực có liên quan chưa thể hiện sự động bộ và chưa tạo được động lực cho sự phát triển. Hệ thống văn bản pháp luật còn nhiều lỗ hổng và chồng chéo, mâu thuẫn; các chế độ chính sách, tiêu chuẩn định mức chi tiêu còn thiếu tính thực tiễn, còn nhiều bất cập nhưng chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cơ chế tự chủ đại học.

Trong giai đoạn 2021- 2025, Nhà trường xác định mục tiêu rõ ràng là phát huy tối đa lợi thế, giảm thiểu những rủi ro, khó khăn, tận dụng cơ hội để tạo đà phát triển trong giai đoạn mới với định hướng xây dựng Nhà trường theo hướng tự chủ.

PHẦN III. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

A. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Tầm nhìn: xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành trường đại học nghiên cứu trong hệ thống ĐHQG-HCM, thuộc nhóm đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở Đông Nam Á.

Sứ mạng: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo ra những công trình nghiên cứu khoa học tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có đóng góp thiết thực cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và các địa phương, trọng tâm là khu vực phía Nam.

Giá trị cốt lõi: SÁNG TẠO – DẪN DẮT – TRÁCH NHIỆM

Triết lí giáo dục: **GIÁO DỤC TOÀN DIỆN – KHAI PHÓNG – ĐA VĂN HÓA**

B. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NHÀ TRƯỜNG

Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV trở thành trường đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại, chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế.

C. CÁC CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ

1. CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ có hệ thống quản trị hiện đại, hội nhập quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển của Nhà trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì
***Mục tiêu 1*: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp**	Xây dựng tổ chức bộ máy chỉ đạo đổi mới công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Nhà trường. Đồng bộ hệ thống tổ chức để khai thác hiệu quả cơ sở hạng tầng công nghệ thông tin và chuyển	Ban giám hiệu, Phòng HC-TH

ứng yêu cầu quản trị của Nhà trường.	đổi số; Có kế hoạch đầu tư để phát triển hệ thống hiệu quả.	
	Tin học hóa và nâng cấp các phần mềm, đặc biệt là phần mềm giảng dạy, đáp ứng nhu cầu quản trị của Nhà trường thông qua việc hợp tác với các đơn vị có chuyên môn cao, trong đó có sức mạnh từ hệ thống Đại học quốc gia; tích hợp các phần mềm quản lý văn bản, cập nhật các mẫu văn bản trên hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường. Triển khai văn phòng điện tử và số hóa tài liệu lưu trữ.	Phòng HC-TH
	Xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung để phục vụ cho các nhu cầu quản trị hiện đại dựa trên cơ sở phân tích khoa học. Xây dựng trung tâm lưu trữ dữ liệu để phục vụ nhu cầu phát triển lâu dài.	Phòng HC-TH
	Tối ưu hóa các nguồn vốn và dự án để xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại.	Phòng QT-TB
***Mục tiêu 2*: Kiện toàn hệ thống tổ chức phù hợp với lộ trình tự chủ của Nhà trường**	Thực hiện đề án đổi mới cơ chế hoạt động Nhà trường để tiến hành tự chủ đại học từ năm học 2022 - 2023	Ban Giám hiệu; Toàn thể viên chức và người lao động
	Từng bước sắp xếp các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phù hợp với yêu cầu tự chủ của Nhà trường theo hướng tinh, gọn, hiệu quả.	Ban giám hiệu, Phòng TC-CB
	Thành lập/ giải thể các đơn vị đáp ứng cho nhu cầu phát triển triển trong giai đoạn thực hiện tự	Phòng TC-CB

	chủ đại học.	
Mục tiêu 3: **Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ đáp ứng sự đồng bộ hóa trong công tác quản trị**	Chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc, đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật.	Phòng TTPC-SHTT
	Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc của Nhà trường.	Phòng TTPC-SHTT
	Triển khai thông tin đầy đủ hệ thống văn bản và quy trình làm việc đến mọi viên chức, người lao động và người học trong Nhà trường.	Phòng TTPC-SHTT
Mục tiêu 4: **Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Nhà trường trên tinh thần kiến tạo, phục vụ**	Tăng tính liên thông, liên kết giữa các đơn vị trong Trường nhằm tối đa hóa nguồn lực của cơ sở đào tạo.	Phòng HC-TH
	Thường xuyên tổ chức giao ban giữa phòng, ban, khoa, trung tâm nhằm giải quyết các vấn đề tồn động, nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các đơn vị và cải tiến các hoạt động.	Phòng TC-CB

2. CHIẾN LƯỢC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển đội ngũ VC&NLĐ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phù hợp với cơ chế tự chủ của Trường theo định hướng đại học nghiên cứu có tính liên ngành.

2.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì
Mục tiêu 1: **Tăng tỷ lệ đội ngũ**	- Thực hiện đề án vị trí việc làm theo quy định nhằm tăng tỷ lệ đội ngũ VC&NLĐ có trình độ	Phòng TC-CB

VC&NLĐ có trình độ chuyên môn cao.	chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu nhân sự của của đơn vị; - Có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân sự đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định về năng lực và phù hợp nhu cầu nhân sự của Nhà trường; - Thực hiện chương trình hậu tuyển dụng. - Có kế hoạch khuyến khích, động viên viên chức, người lao động có đủ năng lực, phẩm chất gắn bó lâu dài với Nhà trường bằng cách tạo môi trường làm việc tốt, có tính cạnh tranh cao.	
Mục tiêu 2: **Phát triển và thu hút đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.**	- Chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ để tích luỹ đủ điều kiện xét chức danh phó giáo sư, giáo sư; - Hợp tác, thu hút đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; - Tuyển dụng bổ sung các nhân sự có học vị tiến sĩ được đào tạo từ những trường đại học uy tín trong và ngoài nước.	Phòng TC-CB
Mục tiêu 3: **Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức, người lao động.**	- Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ viên quản lý, viên chức hành chính, giảng viên, nghiên cứu viên; - Chuyên nghiệp hoá đội ngũ chuyên viên; xây dựng quy chế, quy định đối với NLĐ trong thời gian tập sự;	Phòng TC-CB

	- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên theo các chương trình ngắn hạn, dài hạn trong nước và quốc tế	

3. CHIẾN LƯỢC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH

3.1. Chiến lược cơ sở vật chất

3.1.1. Mục tiêu chung

Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng theo mô hình các trường đại học tiên tiến trong khu vực.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp

Mục tiêu cụ thể	Hoạt động	Đơn vị chủ trì
Mục tiêu 1: **Đáp ứng đầy đủ và phù hợp CSVC, trang thiết bị.**	Xây dựng hệ thống phòng ốc đáp ứng đa dạng các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Trường.	Phòng QT-TB
	Triển khai, xây dựng cảnh quan theo mô hình đại học xanh.	Phòng QT-TB
	Chuẩn hóa công tác vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Phòng QT-TB
	Cung cấp nguồn tài nguyên học liệu theo hướng số hóa phục vụ cho các hoạt động của Trường.	Thư viện
Mục tiêu 2: **Tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường.**	Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin để quản lí hiệu quả cơ sở vật chất, tối ưu hóa công năng và thời gian sử dụng. Sắp xếp phù hợp sử dụng cơ sở vật chất của 2 cơ sở (Đinh Tiên Hoàng và Thủ Đức) của Nhà trường.	Phòng QT-TB

3.2. Chiến lược về tài chính

3.2.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo nguồn lực tài chính theo yêu cầu phát triển của Trường

3.2.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì

Mục tiêu cụ thể	Hoạt động	Đơn vị chủ trì
Mục tiêu 1: **Tăng nguồn thu cả về quy mô và cơ cấu từ các hoạt động của Trường.**	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ giáo dục đào tạo làm cơ sở cho việc tự chủ đại học.	Phòng KH-TC
	Xây dựng hệ thống các chính sách tài chính hỗ trợ hoạt động cho các đơn vị.	Phòng KH-TC
	Phát triển nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, hoạt động nghiên cứu khoa học.	Phòng KH-TC
	Tìm kiếm các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.	Phòng ĐN-QLKH
Mục tiêu 2: **Sử dụng hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tài chính.**	Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ Trường theo hướng tự chủ đại học.	Phòng KH-TC
	Xây dựng và thực hiện quy định trích lập và sử dụng các quỹ hoạt động của Trường.	Phòng KH-TC
	Phân tích, dự báo, hoạch định tài chính hàng năm.	Phòng KH-TC
Mục tiêu 3: **Nâng cao thu nhập cho VC&NLĐ.**	Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách và tăng thu nhập hằng năm cho VC&NLĐ.	Phòng KH-TC

4. CHIẾN LƯỢC VỀ ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

4.1. Mục tiêu chung

Phát triển chương trình đào tạo liên ngành đáp ứng triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường theo hướng hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng chuyển đổi số để thích ứng với bối cảnh cuộc phát triển khoa học công nghệ 4.0.

Củng cố và gia tăng các hoạt động kiểm định theo các chuẩn kiểm định trong và ngoài nước; xây dựng thành công văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

4.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì
***Mục tiêu 1*: Phát triển các chương trình đào tạo liên ngành có nhu cầu xã hội cao thể hiện bản sắc Khoa học Xã hội và Nhân văn.**	Mở rộng các chương trình liên thông từ đại học lên sau đại học đối với các ngành học đã được kiểm định và đạt chuẩn khu vực và quốc tế; Tăng cương liên thông, liên kết giữa các chương trình đào tạo trong trường và trong Đại học quốc gia; Phát triển các chương trình đào tạo của Trường theo hướng song ngành, liên ngành. Hằng năm, lên kế hoạch mở các ngành học mới hoặc các ngành học thí điểm theo nhu cầu của xã hội; Xây dựng các chương đào tạo mới đáp ứng nhu cầu cao của xã hội; Đa dạng hóa các chương trình đào tạo hướng đến mục tiêu giáo dục suốt đời; Điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo khung năng lực phẩm chất của SV tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV.	Phòng QLĐT
***Mục tiêu 2:* Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo quốc tế theo hướng liên kết một phần hoặc toàn phần.**	Củng cố và nâng chất chương trình đào Việt Nam học và Tiếng Việt cho người nước ngoài để giữ vững lợi thế của Trường Đại học KHXH&NV Chủ động xây dựng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội;	Phòng QLĐT

	Thúc đẩy việc hiện thực hoá các ký kết hợp tác đào tạo trong và ngoài nước. Trong đó hướng tới việc công nhận các tín chỉ của nhau.	
Mục tiêu 3: **Điều chỉnh, phát triển các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập chuẩn quốc tế.**	Xây dựng và triển khai đề án quốc tế hoá chương trình đào tạo; Cải thiện chất lượng và nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ không chuyên cho người học; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên theo hướng hội nhập chuẩn quốc tế; Đối sánh với các chương trình quốc tế để điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo.	Phòng QLĐT
Mục tiêu 4: **Xây dựng cơ chế, quy định về đào tạo thúc đẩy học tập suốt đời.**	Thể chế hóa các quy định cho các chương trình đào tạo liên thông, liên kết; Triển khai bộ phẩm chất năng lực của SV tốt nghiệp vào chương trình đào tạo thể hiện được triết lý học tập suốt đời.	Phòng QLĐT
Mục tiêu 5: **Hoàn thiện và phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến (ĐTTT).**	- Thể chế hóa chương trình ĐTTT để áp dụng trong Trường; - Hoàn thiện hệ thống phần mềm hỗ trợ ĐTTT; - Triển khai tỷ lệ ĐTTT trong khung CTĐT một số ngành.	Phòng QLĐT; Tổ CNTT&DL
Mục tiêu 6**: Đa dạng hóa và phát huy hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn**	Kiểm định và tái kiểm định cấp cơ sở đào tạo; cải tiến sau đánh giá ngoài.	Phòng BĐCL
	Tăng số lượng các chương trình đào tạo được kiểm định (mỗi năm trung bình 04 chương trình) theo các bộ kiểm định tiểu chuẩn chất lượng đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của Trường	Phòng BĐCL

kiểm định chất lượng trong và ngoài nước	và cải tiến sau đánh giá ngoài.	
	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ có kiến thức về đảm bảo chất lượng, quản lý chất lượng và kiểm định chất lượng.	Phòng BĐCL
	100% các CTĐT cử nhân và 50% các CTĐT thạc sỹ thực hiện tự đánh giá và cải tiến; 100% các khoa sử dụng hiệu quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng các hoạt động; đẩy mạnh văn hóa chất lượng đồng bộ.	Phòng BĐCL

5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

5.1. Mục tiêu chung

Xây dựng đơn vị trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về KHXH&NV trong cả nước, tiến tới trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu uy tín và chất lượng của khu vực châu Á.

Nâng cao chất lượng nghiên cứu KH&CN và năng lực công bố khoa học, đóng góp thiết thực cho chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước và các địa phương.

5.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì
***Mục tiêu 1*: Phát triển và đa dạng hóa nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học.**	Chủ động khai thác các dự án đầu tư chiều sâu cho KH&CN, tăng cường năng lực nghiên cứu của ĐHQG-HCM.	Phòng ĐN&QLKH
	Phối hợp với ĐHQG-HCM (Ban KH-TC và Ban KH&CN) trong việc hoàn chỉnh hồ sơ đầu	Phòng

	tư và xây dựng Trung tâm Nghiên cứu KHXH&NV phục vụ cộng đồng trực thuộc Trung tâm Nghiên cứu tiên tiến ĐHQG-HCM.	ĐN&QLKH
	Hoàn thiện và triển khai Đề án "Tái cơ cấu hoạt động KH&CN Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM".	Phòng ĐN&QLKH
	Tăng nguồn kinh phí dành cho NCKH thông qua các hình thức: - Đa dạng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN như: nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn thu sự nghiệp Trường, tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế; - Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động hội nghị/hội thảo khoa học có vốn đối ứng từ bên ngoài; - Tăng cường triển khai các kế hoạch, đề tài NCKH gắn với chuyển giao KH&CN; - Tối ưu việc sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí dành cho NCKH của Trường.	Phòng ĐN&QLKH
***Mục tiêu 2*: Nâng cao năng lực NCKH và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh.**	- Duy trì và nâng cao hiệu quả Hội nghị NCKH SV hằng năm nhằm tạo sự lan tỏa hoạt động NCKH trong SV Trường; - Tăng số lượng và kinh phí hỗ trợ thực hiện cho các đề tài NCKH SV.	Phòng ĐN&QLKH
	Nâng cao năng lực nghiên cứu cho HVCH &NCS thông qua việc hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH.	Phòng ĐN&QLKH

	Tổ chức hội thảo thường niên dành cho HVCH & NCS.	Phòng ĐN&QLKH
	Thể chế hóa hoạt động NCKH, đồng thời khuyến khích & hỗ trợ các đối tượng tham gia NCKH.	Phòng ĐN&QLKH
	Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về phương pháp luận và kỹ năng NCKH cho mọi đối tượng.	Phòng ĐN&QLKH
	Nâng cao số lượng và chất lượng của các đề tài NCKH cấp Cơ sở.	Phòng ĐN&QLKH
	Định hướng tổ chức các hội thảo khoa học mang tính liên ngành và kết hợp.	Phòng ĐN&QLKH
	Khuyến khích các nghiên cứu mang tính liên ngành, dần hình thành các nhóm nghiên cứu chuyên sâu và mạnh, có sự tham gia hợp tác của các chuyên gia trong và ngoài nước.	Phòng ĐN&QLKH
	Tính giờ nghiên cứu khoa học cho các hoạt động liên quan đến NCKH sinh viên, tổ chức hội thảo, tổ chức khóa tập huấn.	**Phòng ĐN&QLKH**
Mục tiêu 3: **Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy năng lực nghiên cứu khoa học và công bố khoa học.**	Đẩy mạnh phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế nhằm tổ chức các hội nghị/hội thảo khoa học, nghiên cứu và công bố chung.	Phòng ĐN&QLKH
	Thể chế hóa hoạt động công bố khoa học.	Phòng ĐN&QLKH
	Xây dựng mới Tạp chí chuyên ngành trong lĩnh vực KHXH&NV.	Phòng ĐN&QLKH

	Thành lập Trung tâm hỗ trợ công bố quốc tế. Tổ chức bồi dưỡng, mở các khóa tập huấn ngắn hạn về các kỹ năng công bố khoa học quốc tế.	Phòng ĐN&QLKH
	Đưa Tạp chí phát triển KH&CN: Khoa học Xã hội và Nhân văn vào danh mục tính điểm của tất cả Hội đồng chức danh thuộc lĩnh vực KHXH&NV.	Phòng ĐN&QLKH
	Duy trì và nâng dần chế độ ưu đãi, mức khen thưởng đối với công bố quốc tế.	Phòng ĐN&QLKH
	Phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh có sự tham gia của các nhà nghiên cứu quốc tế.	Phòng ĐN&QLKH
Mục tiêu 4: **Nâng cao chất lượng các nghiên cứu cơ bản và đẩy mạnh các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực KHXH&NV.**	Xác định các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản trọng tâm hàng năm.	Phòng ĐN&QLKH
	Ưu tiên triển khai các đề tài NCKH có tính ứng dụng.	Phòng ĐN&QLKH
	Tăng cường các nghiên cứu liên ngành dựa trên sức mạnh hệ thống của ĐHQG-HCM.	Phòng ĐN&QLKH
	Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH của Trường.	Phòng ĐN&QLKH
	Định hướng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách về kinh tế - văn hóa - xã hội tại các địa phương; và vào việc phát triển ngành.	Phòng ĐN&QLKH
	Chủ động quảng bá và thực hiện các nghiên	Phòng

	cúu theo nhu cầu của đối tác.	ĐN&QLKH
	Tăng cường vai trò của Công ty TNHH Dịch vụ khoa học và Du lịch Văn Khoa trong việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và tạo nguồn thu.	Công ty TNHH Dịch vụ khoa học và Du lịch Văn Khoa
	Ban soạn thảo làm rõ nội hàm các sản phẩm có thể thương mại hóa trong KHXH&NV và tổ chức các tọa đàm để lấy ý kiến/ phổ biến việc thương mại hóa các sản phẩm này	**Phòng ĐN&QLKH**
***Mục tiêu 5*: Tăng cường gắn kết địa phương và phục vụ cộng đồng.**	Khảo sát, đánh giá nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương để đưa ra các chương trình, kế hoạch hợp tác phù hợp.	Phòng ĐN&QLKH
	Tích cực hỗ trợ các địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực, hỗ trợ và hợp tác với địa phương trong hoạt động khoa học công nghệ, tư vấn và giải quyết các vấn đề cấp bách.	Phòng ĐN&QLKH
	Đẩy mạnh các nghiên cứu gắn với sản phẩm đầu ra phục vụ nhu cầu thực tiễn của địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.	Phòng ĐN&QLKH
	Phát huy vai trò và gắn nhiệm vụ của các trung tâm nghiên cứu thuộc Trường trong công tác tư vấn chính sách, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng đối với các địa phương.	Phòng ĐN&QLKH

6. CHIẾN LƯỢC VỀ CÔNG TÁC NGƯỜI HỌC VÀ VĂN HÓA ĐẠI HỌC

6.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng văn hóa người nhân văn, chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong Nhà trường và cộng đồng xã hội;

- Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho SV;

- Định vị thương hiệu SV nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

6.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì
Mục tiêu 1: **Xây dựng và Ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn", chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong nhà trường và cộng đồng xã hội.**	- Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn". Khẳng định tinh thần chia sẻ và lan tỏa ứng xử nhân văn trong cuộc sống là đặc trưng văn hóa của người nhân văn; - Triển khai phổ biến sâu, rộng Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn" trong toàn thể viên chức, người lao động và người học; - Xây dựng quy định chuẩn đầu ra của SV là phải tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng trong thời gian học tập tại Trường là điều kiện cần để SV được công nhận tốt nghiệp.	Phòng CTSV
Mục tiêu 2: **Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho SV.**	- Tăng cường nhân sự y tế có trình độ chuyên môn phù hợp để phục vụ SV; - Tổ chức môi trường, không gian học tập lành mạnh, thân thiện, an toàn; - Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tư vấn và dịch vụ hỗ trợ SV dựa trên phương châm "vui vẻ, hòa nhã, hiệu quả, tận tình, chu đáo".	Phòng CTSV

Mục tiêu 3: **Định vị thương hiệu sinh viên nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.**	- Trang bị cho SV các kỹ năng mềm thiết yếu đáp ứng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo; - Tạo các sân chơi học thuật, các chương trình vì cộng đồng để SV tham gia và qua đó nhận thức rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng. - Xác lập các tiêu chí định vị thương hiệu SV Nhân văn và công bố Bộ Quy chuẩn nhận diện Sinh viên Nhân văn.	Phòng CTSV
Mục tiêu 4: **Phát triển hoạt động cựu sinh viên**	Xây dựng hệ thống nhân sự Ban Liên lạc cựu SV để tăng cường gắn kết cựu SV với các hoạt động của Nhà trường.	Phòng TT&QHDN
	Triển khai kế hoạch gắn kết cựu SV với cựu sinh viên.	Phòng TT&QHDN
Mục tiêu 5: **Thực hiện hiệu quả công tác xây dựng thương hiệu và truyền thông**	Thực hiện truyền thông về giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục, xây dựng các thông điệp quảng bá thương hiệu của Nhà trường.	Phòng TT&QHDN
	Thực hiện các giải pháp phát triển nhận diện thương hiệu, xây dựng và phát triển thương hiệu trên nền tảng internet.	Phòng TT&QHDN
	Đưa nền tảng thương hiệu thấm nhuần trong Trường.	Phòng TT&QHDN
	Thực hiện công tác dự báo, phòng ngừa, xử lý sự cố truyền thông.	Phòng TT&QHDN
	Đẩy mạnh công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh các hệ đào tạo thông qua kênh truyền thông của Nhà trường cũng như qua kế hoạch tuyển	Phòng TT&QHDN

	sinh hằng năm.	

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phòng Hành chính – Tổng hợp trình BGH thông qua Tổ Thường trực Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021 – 2025 để giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược đồng thời báo cáo Hội đồng Trường 6 tháng một lần lần và báo cáo ĐHQG-HCM theo quy định.

Các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm để trình BGH phê duyệt các kế hoạch, đề án để đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu của Kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021 – 2025.

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược của Nhà trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch của mình trên và trình BGH thông qua.

Hằng năm, Tổ Thường trực Kế hoạch chiến lược sẽ tổ chức đánh giá các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược 6 tháng một lần tại Hội nghị giao ban quý II và Hội nghị cán bộ viên chức – người lao động cuối năm. Nhà trường tổ chức Hội nghị Kế hoạch chiến lược giữa kì để rà soát và điều chỉnh vào quý III năm 2023.

PHẦN IV
QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 tập trung vào việc chuyển đổi hoạt động của Nhà trường sang cơ chế tự chủ. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược, Nhà trường nhận thức có những vấn đề rủi ro sau:

1. Về chính sách

Tuy Luật Giáo dục đại học đã luật hóa tự chủ của các trường đại học nhưng để thực hiện hiệu quả cần phải có sự đồng bộ. Ví dụ như hiện nay về cơ chế quản lý hành chính Nhà nước, dưới sự quản lý của ĐHQG, Trường đã có thể thực thi phần lớn các quyền tự chủ trong các hoạt động. Thế nhưng thực tế hoạt động của Trường đang phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của các luật như: Luật Giáo dục đại học, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thuế, Nghị định của Chính phủ và rất nhiều những văn bản quy phạm pháp luật khác mà các luật này lại có những quy định ràng buộc và hạn chế phạm vi tự chủ của Nhà trường, nhất là về sử dụng cơ sở vật chất và tài chính.

Giải pháp: là một thành viên của ĐHQG-HCM, trong xu thế ĐHQG hướng đến sự tự chủ hoàn toàn, Trường ĐH KHXH&NV sẽ được tháo gỡ các vướng mắc về các quy định liên ngành hạn chế sự tự chủ của Trường. Về tiến độ, Nhà trường đã xây dựng lộ trình và chọn thời điểm để thực hiện tự chủ vào năm 2022 theo lộ trình phát triển của Nhà trường và định hướng của ĐHQG.

2. Suy giảm quy mô đào tạo, tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục

Trong 5 năm tới, khi Nhà trường chuyển sang hình thức tự chủ với các mức xây dựng học phí theo chiều hướng tăng, Nhà trường có nguy cơ sẽ bị giảm quy mô đào tạo do một số sinh viên sẽ không có đủ điều kiện đóng học phí.

Giải pháp: đa dạng hóa các chương trình đào tạo với mức thu học phí tương xứng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng của chương trình chuẩn. Ngoài ra, Nhà trường sẽ tạo các chương trình hỗ trợ sinh viên với các hình thức khác nhau như học bổng, miễn giảm học phí không chỉ cho các sinh viên đã nhập học của Trường mà còn cho các đối tượng thí sinh đã thi đậu mà không có điều kiện đóng học phí. Nguồn hỗ trợ sinh viên này được trích lập từ nguồn thu của Nhà trường và sự đóng góp của xã hội. Hỗ trợ

người học có khó khăn về tài chính có thể mượn từ Quỹ Phát triển ĐHQG với lãi suất 0%.

3. Nguồn thu mới theo cơ chế tự chủ không đảm bảo chi thường xuyên

Khi tình huống này xảy ra, Nhà trường sẽ triển khai các biện pháp tổng hợp về tổ chức bộ máy và nhân sự, về hoạt động đào tạo, về NCKH và phục vụ cộng đồng, về hợp tác quốc tế, và về cơ sở vật chất.

4. Giải pháp về tổ chức bộ máy và nhân sự

Trên cơ sở các nguồn lực tiềm năng hiện có của Nhà trường về tổ chức, bộ máy, nhân sự, các chương trình đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất và tài chính, trong mỗi lĩnh vực Nhà trường đã có kế hoạch phát triển ngày càng mạnh mẽ các hoạt động này. Nhà trường có lộ trình tinh gọn bộ máy quản lí trên cơ sở phù hợp đặc thù của khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Nhà trường xây dựng công cụ đánh giá viên chức, người lao động theo hiệu quả công việc nhằm tạo ra sự công bằng trong thu nhập.

4.1. Giải pháp về hoạt động đào tạo

Chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 triển khai những đề án mới trong công tác đào tạo của Nhà trường. Bên cạnh các chương trình đào tạo đang phát huy hiệu quả, trong đó có chương trình như chất lượng cao, chương trình ưu việt, Nhà trường đã có kế hoạch mở các chương trình đào tạo mới để tăng tính quốc tế hóa phù hợp với việc tự chủ tài chính. Ngoài việc giảng dạy bằng tiếng Anh, chương trình này cũng hướng tới mời các giáo sư thỉnh giảng từ những cơ sở giáo dục đại học mà Nhà trường có kí kết thỏa thuận hợp tác, hướng tới 50% môn học là do các giảng viên nước ngoài đảm trách. Đối tượng tuyển sinh của chương trình là sinh viên trong và ngoài nước. Chương trình Quốc tế tạo môi trường học thuật quốc tế toàn diện cho sinh viên.

Trên cơ sở tận dụng thế mạnh về hợp tác quốc tế của Nhà trường trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, Nhà trường sẽ xây dựng thêm các ngành mới; mở các chương trình liên kết với các cơ sở giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới mà Trường đã có kí kết hợp tác.

Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ mở rộng Chương trình đào tạo từ xa vốn hiện nay chỉ đào tạo ngành Việt Nam học sẽ mở rộng sang các ngành có nhu cầu cao trong xã hội

nhưng người học chưa đủ điều kiện để thường xuyên đến cơ sở đào tạo để học tập trung như Du lịch, Truyền thông, Ngữ văn Anh…

Với mục tiêu tăng cường sự liên thông trong đào tạo, phát huy thế mạnh của việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, đáp ứng nhu cầu học tập tích cực của sinh viên; giúp sinh viên phát huy toàn diện năng lực, tận dụng thời gian học tập, tích lũy kiến thức sâu và rộng, tăng khả năng cạnh tranh và cơ hội việc làm cao hơn cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; nâng cao hiệu quả đào tạo của Trường, khai thác tối đa nguồn lực về nhân lực, cơ sở vật chất... ĐHQG đang triển khai việc hợp tác mở chương trình đào tạo song ngành tại ĐHQG-HCM để sinh viên các đơn vị thành viên ĐHQG có cơ hội học thêm bằng đại học thứ hai.

Trong khuôn khổ đó, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM đã đưa vào vận hành tại Trường hình thức đào tạo song song hai văn bằng đại học.

Nhà trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo các chứng chỉ ngắn hạn. Trung tâm Ngoại ngữ của Trường đã có kế hoạch đổi mới và phát triển Trung tâm Ngoại ngữ đến năm 2022 từ chỉ tổ chức các chương trình đào cơ bản chuyển sang các chương trình đào tạo chuyên sâu chất lượng cao với các điểm nhấn sau:

- Đào tạo theo nhu cầu xã hội;

- Thí điểm mở các chương trình mang tính "trải nghiệm" chẳng hạn như vừa dạy tiếng Anh kết hợp với các kiến thức hiểu biết xã hội và các kỹ năng sống; trại hè "vui mà học"; hợp tác với các trường phổ thông dạy ngoại ngữ cho học sinh; mở các lớp ngoại ngữ do người nước ngoài giảng dạy ở các tỉnh;

- Tổ chức giảng dạy và thi chứng chỉ ngoại ngữ: hoàn thành bộ hồ sơ theo Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4.2. Giải pháp về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác NCKH và phục vụ cộng đồng ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và phát triển nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh dự án tăng cường công bố quốc tế với các đề án nâng cao năng lực cho cán bộ và hỗ trợ việc xuất bản các ấn phẩm khoa học cho viên chức Nhà trường.

4.3. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Hiện nay, Nhà Trường đang triển khai thực hiện 10 chương trình liên kết và hợp tác đào tạo. Nhà trường sẽ tiếp tục phát triển các chương trình này góp phần tăng nguồn thu và tăng vị thế của Trường ĐH KHXH&NV trên mặt bằng giáo dục nước nhà và thế giới.

Bên cạnh việc đào tạo, Nhà trường cũng đang tổ chức quản lý và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài có uy tín.

Việc triển khai các dự án này đạt được hiệu quả đã tạo thêm uy tín cho Nhà trường để tiếp tục được nhận tài trợ từ các tổ chức uy tín trên thế giới, để nâng cao năng lực và trang thiết bị cho Nhà trường.

4.4. Giải pháp về cơ sở vật chất

Cơ sở Đinh Tiên Hoàng:

Thực hiện quy hoạch tỷ lệ 1/500 đầu tư xây dựng tại Cơ sở Đinh Tiên Hoàng với chức năng Trung tâm nghiên cứu và cung cấp dịch vụ KHXH&NV; trong đó trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ NCKH, cùng với cung cấp các dịch vụ cho NCKH, hợp tác, liên kết quốc tế, các loại hình dịch vụ đào tạo người nước ngoài, các dịch vụ đào tạo cung cấp nguồn nhân lực khoa học chuyên ngành xã hội và nhân văn trong khu vực và quốc tế.

Cơ sở Thủ Đức:

- Tiếp tục duy tu bảo trì các khu nhà Nhà A, H cũ để đảm bảo nhu cầu học tập, làm việc trước mắt của Trường;

- Đưa vào sử dụng Công trình Nhà học NVB4-1; đường NV2-Giai đoạn 1 và một phần hồ cảnh quan Ánh Dương kết nối Trường ĐH KHXH&NV với khu văn phòng ĐHQG-HCM qua cổng NV.3; Nhà học NVB4-2;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ giải tỏa thu hồi toàn bộ mặt bằng khu Dự án thành phần QG-HCM-08 vào năm 2023. Ưu tiên xây dựng các công trình nhà học, thư viện, và cải tạo cảnh quan Cơ sở Thủ đức theo hồ sơ quy hoạch 1/500 đã được ĐHQG-HCM phê duyệt./.

Phụ lục I

CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHCL

(Đính kèm theo Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 (rà soát và điều chỉnh) Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

STT	CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ
1	Chiến lược 1: Quản trị đại học	Triển khai chương trình tự chủ đại học
		Bộ máy tổ chức đảm bảo vận hành tốt hệ thống CNTT và Quản trị mạng của Nhà trường
		Website của Trường và các đơn vị được xây dựng trên nền tảng mới, hiện đại và có độ tương tác cao.
		Xây dựng khung dữ liệu dùng chung.
		Các hợp đồng về Công nghệ thông tin được kí kết
		Các đơn vị được thành lập/ giải thể/ sáp nhập
		Tỉ lệ chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý nội bộ.
2	Chiến lược 2: Chiến lược về nguồn nhân lực	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.
		Tỉ lệ giảng viên/sinh viên.
3	Chiến lược 3: Chiến lược tài chính – cơ sở vật chất	Tăng nguồn thu từ học phí các hệ đào tạo; nghiên cứu khoa học & chuyển giao công nghệ; hoạt động sản xuất kinh doanh & cung ứng dịch vụ.
		Tỉ lệ kinh phí từ các đối tác tài trợ: tổ chức trong và ngoài nước, cựu sinh viên tăng.
		Tỉ lệ tăng thu nhập trung bình trong giai đoạn 2021-2025.
		Tăng tỉ lệ diện tích sàn xây dựng.
		Tăng diện tích đang bị chiếm dụng được thu hồi.

4	Chiến lược 4: Chiến lược về đào tạo và đảm bảo chất lượng	Số lượng các ngành được đào tạo liên thông từ đại học lên sau đại học.
		Tỉ lệ chương trình đào tạo song ngành có sinh viên đăng ký.
		Số lượng chương trình đào tạo ngành Chính - ngành Phụ được mở.
		Số lượng ngành được mở mới ở bậc Đại học và Sau đại học.
		Số lượng khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế.
		Số lượng các chương trình liên kết đào tạo được mở mới.
		Số lượng khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời lượng được xây dựng học liệu số.
		Số lượng chương trình đào tạo từ xa được mở mới.
		Tỉ lệ các chương trình đào tạo được kiểm định, tự đánh giá và cải tiến.
		Tỉ lệ các chương trình đào tạo được tự đánh giá, đánh giá ngoài và cải tiến.
		Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường.
5	Chiến lược 5: Chiến lược phát triển khoa học & công nghệ, phục vụ cộng đồng	Tỉ lệ bài/GV/năm đăng tạp chí quốc tế không thuộc danh mục ISI/Scopus.
		Tỉ lệ bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus.
		Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản trọng điểm được thực hiện.
		Số lượng đề tài nghiên cứu ứng dụng được thực hiện.
		Số lượng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách, chiến lược về kinh tế - xã hội tại các địa phương.
6	Chiến lược 6: Chiến lược về công	Tỉ lệ người học, viên chức và người lao động biết đến Bộ Giá trị cốt lõi của Trường.

	tác người học và văn hóa đại học	Tỉ lệ các tổ chức, cá nhân ý thức giữ gìn giá trị Người Nhân văn.
		Thành lập Phòng Tư vấn tâm lý.
		Tỉ lệ sinh viên được tài trợ học bổng và giá trí học bổng tăng.
		Xây dựng bộ quy tắc ứng xử Người Nhân văn.
		Tỉ lệ sinh viên tham gia hoạt động vì cộng đồng.
		Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên của Trường.
		Tỉ lệ khoa, bộ môn có hoạt động cựu sinh viên hiệu quả.
		Huy động nguồn hiến tặng từ cựu sinh viên.
		Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.
		Tỉ lệ sinh viên bỏ học hoặc buộc thôi học.

Phụ lục II
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
(Đính kèm theo Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 (rà soát và điều chỉnh) Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

STT	CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	GIAI ĐOẠN 2021-2025
1	Chiến lược 1: Quản trị đại học	Xây dựng khung dữ liệu dùng chung.	100%
		Tỉ lệ các CTĐT được kiểm định, tự đánh giá và cải tiến theo kế hoạch.	100%
2	Chiến lược 2: Chiến lược về nguồn nhân lực	**Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.**	**58%**
		Tỉ lệ giảng viên/sinh theo các nhóm ngành đào tạo.	1/18
3	Chiến lược 3: Chiến lược tài chính – cơ sở vật chất	Tỉ lệ kinh phí từ các đối tác tài trợ: tổ chức trong và ngoài nước, cựu sinh viên tăng.	2-10%/năm
		Tỉ lệ tăng thu nhập trung bình trong giai đoạn 2021-2025.	50% - 100%
4	Chiến lược 4: Chiến lược về đào tạo và Đảm bảo chất lượng	Số lượng các ngành được đào tạo liên thông từ đại học lên sau đại học.	02 ngành (Nguyên nhân điều chỉnh: các ngành chưa kịp kiểm định CTĐT theo chuẩn quốc tế)
		Số lượng ngành được mở mới ở bậc Đại học/ Thạc sĩ/ Tiến sĩ.	9/8/3 (Nguyên nhân điều chỉnh: các ngành khác chưa đủ nhân sự mở ngành theo quy định mới)
		Số lượng các chương trình liên kết đào tạo được mở mới.	06
		Tỉ lệ các CTĐT được tự đánh giá, đánh giá ngoài và cải tiến.	**50% CTĐT được kiểm định và cải tiến**
		Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường.	**80% hài lòng**

5	Chiến lược 5: Chiến lược phát triển khoa học & công nghệ, phục vụ cộng đồng	Trong giai đoạn 2021-2025, công bố khoa học quốc tế thuộc cơ sở dữ liệu ISI/Scopus tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 2016-2020 (đạt khoảng 350 bài).	Trung bình 70 bài mỗi năm
		Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản trọng điểm được thực hiện.	5
		Số lượng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách, chiến lược về kinh tế - xã hội tại các địa phương.	5
6	Chiến lược 6: Chiến lược về công tác người học và văn hóa đại học	Tỉ lệ nhà tuyển dụng được khảo sát hài lòng với sinh viên của trường.	80%
		Triển khai bộ quy tắc ứng xử và kết quả lộ trình triển khai thực hiện đối với toàn thể VC-NLĐ và người học.	100%
		Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.	**55%**
		Tỉ lệ sinh viên bỏ học hoặc buộc thôi học.	**10%**

Phụ lục III
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG (LOGFRAME)

(Đính kèm theo Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 (rà soát và điều chỉnh)
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

❖ CHIẾN LƯỢC 1 – QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ có hệ thống quản trị hiện đại, hội nhập quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin được đồng bộ phục vụ cho nhu cầu phát triển của Nhà trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản trị của Nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng tổ chức bộ máy gồm Ban chỉ đạo đổi mới công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Nhà trường. Đồng bộ hệ thống tổ chức để khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi	Kiện toàn bộ máy tổ chức: Ban chỉ đạo đổi mới công nghệ thông tin và chuyển đổi số; Ban	100% website của các đơn vị được xây dựng mới	Tiếp tục hoàn thiện các phần mềm và sửa chữa trang web của Trường và của các	Tiếp tục hoàn thiện các phần mềm và sửa chữa trang web của Trường và của các	Tiếp tục hoàn thiện và sửa chữa các phần mềm trang web của Trường và của các	Bộ máy tổ chức đảm bảo vận hành tốt hệ thống CNTT và Quản trị mạng của Nhà trường; 100% Website được xây dựng mới

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	số; Có kế hoạch đầu tư để phát triển hệ thống hiệu quả.	quản trị mạng; Tổ CNTT&DL; Ban Biên tập Website		đơn vị. Cập nhật tính năng mới cho các trang web	đơn vị. Cập nhật tính năng mới cho các trang web	đơn vị. Cập nhật tính năng mới cho các trang web	và đi vào hoạt động; đủ các phần mềm mới phục vụ cho nhu cầu quản trị đại học
2	Xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ cho việc phân tích, đánh giá các hoạt động của Nhà trường.	Hoàn thành khung dữ liệu dùng chung cần thu thập và phân quyền truy cập. Ít nhất 20 % dữ liệu được nhập	Bổ sung và hoàn thiện khung dữ liệu dùng chung. Ít nhất 40% dữ liệu được nhập	Ít nhất 60% dữ liệu được cập nhật	Ít nhất 80% dữ liệu được cập nhật	100% dữ liệu được cập nhật	100% dữ liệu được cập nhật theo khung dữ liệu dùng chung của Nhà trường
3	Tin học hóa và cấp hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin cũng như hệ thống phần mềm hiện đại, đáp ứng nhu cầu quản trị của Nhà trường thông qua việc hợp tác với các đơn vị có chuyên môn cao; tích hợp các phần mềm quản lý văn bản, cập nhật các mẫu văn bản trên hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường	Ít nhất 10 ứng dụng phần mềm được bổ sung	Ít nhất 10 ứng dụng phần mềm được bổ sung	Ít nhất 10 ứng dụng phần mềm được bổ sung	Ít nhất 10 ứng dụng phần mềm được bổ sung	Ít nhất 10 ứng dụng phần mềm được bổ sung	50 phần mềm, hoặc ứng dụng được tích hợp trên nền tảng cổng thông tin điện tử của Nhà trường

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
4	Thực hiện quá trình chuyển đổi số trong Trường	5% đơn vị trong trường	15% đơn vị trong trường	40% đơn vị trong trường	60% đơn vị trong trường	100% đơn vị trong trường	100% các đơn vị tham gia và thực hiện chuyển đổi số
***Mục tiêu cụ thể 2*: Kiện toàn hệ thống tổ chức phù hợp với lộ trình tự chủ của Nhà trường**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Sắp xếp các đơn vị trong Trường phù hợp với yêu cầu tự chủ của Nhà trường	Hoàn thiện đề án tự chủ đại học. Giải thể trung tâm nghiên cứu Quốc tế	Triển khai chương trình tự chủ đại học. Thành lập Trung tâm tư vấn Tuyển sinh và hỗ trợ người học; Xây dựng phòng CTSV thành phòng công tác phục vụ người học		-	-	Số đơn vị được thay đổi, kiện toàn về chức năng, nhiệm vụ
2	Xây dựng các đơn vị đào tạo/ trung tâm các cấp đáp ứng nhu cầu xã hội	Thành lập Khoa Khoa học liên ngành; Xây	Thành lập khoa Ngữ văn Ý – Tây Ban Nha trên cơ sở	Triển khai các đề án được phê duyệt	Triển khai các đề án được phê duyệt	Triển khai các đề án được phê duyệt	Hoàn thành các đề án và đưa vào hoạt động các đơn vị mới theo phê duyệt

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
		dựng đề án thành lập Trung tâm nghiên cứu sức khỏe tâm thần	2 bộ môn trực thuộc Trường. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch tiền khả thi trường thực hành sư phạm, và trường mầm non theo phương pháp Montessori				của cơ quan có thẩm quyền
Mục tiêu cụ thể 3: **Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ đáp ứng sự đồng bộ hóa trong công tác quản trị**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc, đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật	50% số văn bản quản lý nội bộ được chuẩn hóa	70% số văn bản quản lý nội bộ được chuẩn hóa	80% số văn bản quản lý nội bộ được chuẩn hóa	90% số văn bản quản lý nội bộ được chuẩn hóa	100% số văn bản quản lý nội bộ được chuẩn hóa	Tỷ lệ văn bản được chuẩn hóa
2	Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc của Nhà trường	100% văn bản được rà soát, cập nhật, sửa đổi	100% văn bản được rà soát, cập nhật, sửa đổi	100% văn bản được rà soát, cập nhật, sửa đổi	100% văn bản được rà soát, cập nhật, sửa đổi	100% văn bản được rà soát, cập nhật, sửa đổi	Tỷ lệ văn bản được rà soát hoặc ban hành mới

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
3	Triển khai thông tin đầy đủ hệ thống văn bản và quy trình làm việc đến mọi viên chức, người lao động và người học trong Trường	- 02 báo cáo chuyên đề; - 01 cuộc thi pháp luật cho SV; - 01 cuộc thi pháp luật cho VC&NLĐ toàn Trường; - 01 đợt tập huấn;	- 02 báo cáo chuyên đề; - 01 cuộc thi pháp luật cho SV; - 01 đợt tập huấn;	- 02 báo cáo chuyên đề; - 01 cuộc thi pháp luật cho SV; - 01 cuộc thi pháp luật cho viên chức, NLĐ toàn Trường; - 01 đợt tập huấn;	- 02 báo cáo chuyên đề; - 01 cuộc thi pháp luật cho SV; - 01 đợt tập huấn;	- 02 báo cáo chuyên đề; - 01 cuộc thi pháp luật cho SV; - 01 cuộc thi pháp luật cho VC&NLĐ toàn Trường; - 01 đợt tập huấn;	Số buổi báo cáo chuyên đề; số cuộc thi được phát động và thực hiện; số đợt tập huấn được thực hiện trong toàn Trường.
4	Xây dựng biểu mẫu tiếp nhận hồ sơ theo dạng số hóa trong các hoạt động nội bộ của Nhà trường	Lên danh mục những công việc liên đơn vị	Xây dựng quy trình xử lý công việc	Triển khai phần mềm hỗ trợ			Các phần mềm phối hợp quản lý
Mục tiêu cụ thể 4: **Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Nhà trường trên tinh thần kiến tạo, phục vụ**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn Trường để tăng tính liên thông, liên kết nhằm tối đa hóa nguồn lực của cơ sở đào tạo	Khảo sát các cơ chế phối hợp giữa các đơn vị	Ban hành văn bản về cơ chế phối hợp	Tiếp tục ban hành văn bản về cơ chế phối hợp	Rà soát và điều chỉnh cơ chế phối hợp	Hoàn thiện các cơ chế phối hợp giữa các đơn vị	Số lượng các văn bản cụ thể hóa cơ chế phối hợp

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
2	Xây dựng biểu mẫu tiếp nhận hồ sơ, ví dụ phiếu tiếp nhận hồ sơ, thời gian giải quyết công việc,...	10%	30%	40%	60%	80%	Tỷ lệ hồ sơ, biểu mẫu đồng bộ hóa giữa các đơn vị
3	Thường xuyên tổ chức giao ban giữa phòng, ban, khoa, trung tâm nhằm nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các đơn vị.	1 lần/ năm	2 lần/năm	2 lần/năm	2 lần/năm	2 lần/năm	Các buổi giao ban và số lượng tham dự

❖ CHIẾN LƯỢC 2 – CHIẾN LƯỢC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

1.1. Mục tiêu chung

Phát triển đội ngũ viên chức và người lao động đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phù hợp với cơ chế tự chủ của Trường theo định hướng đại học nghiên cứu có tính liên ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*: Tăng tỷ lệ đội ngũ VC&NLĐ có trình độ chuyên môn cao.**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.	50%	52% (tăng 2%)	54% (tăng 2%)	56% (tăng 2%)	58% (tăng 2%)	58% giảng viên có trình độ tiến sĩ
2	Xây dựng và ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với VC&NLĐ	100% (01 quy chế)	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Hoàn thiện Quy chế
	Triển khai thực hiện trong toàn Trường công tác rà soát tiến độ học tập nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy (tháng 9 hàng năm)	100% (cán bộ giảng dạy)	100% (cán bộ giảng dạy)	100% (cán bộ giảng dạy)	100% (cán bộ giảng dạy)	100% (cán bộ giảng dạy)	Chương trình hậu tuyển dụng Báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải thiện
3	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên xác định theo ngành đào tạo	1/23.4	1/22	1/21	1/20	1/18	Đảm bảo quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học
***Mục tiêu cụ thể 2*: Phát triển và thu hút đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
Các hoạt động:							
1	Triển khai công tác xét chức danh GS, PGS;	11.2% (01 người)	22.2% (02 người)	22.2% (02 người)	22.2% (02 người)	22.2% (02 người)	Bổ nhiệm ít nhất 09 viên chức vào chức danh GS, PGS;
2	Xây dựng đề án thu hút chuyên gia trong nước và quốc tế	Triển khai xây dựng đề án	Hoàn thiện 50% đề án	Hoàn thiện đề án	Triển khai đề án	Triển khai đề án	Tuyển dụng, thu hút từ 05 đến 10 chuyên gia
Mục tiêu cụ thể 3: Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức, người lao động							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học, trình độ lý luận chính trị của đội ngũ viên quản lý, viên chức hành chính, giảng viên, nghiên cứu viên:						
	Cử viên chức được quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ tham gia lớp đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị	70%	75%	80%	85%	90%	Theo chỉ tiêu phân bổ hàng năm
	Cử viên chức quản lý thuộc đối tượng 3 tham gia lớp bồi dưỡng an ninh quốc phòng	57%	65%	75%	85%	95%	95% viên chức quản lý tham gia bồi dưỡng

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	Tổ chức lớp bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý dành cho viên chức quản lý	20% (1 lớp)	20% (1 lớp)	01 lớp	01 lớp	01 lớp	Nâng cao năng lực quản lý cho viên chức quản lý, kỹ năng lưu trữ và quản trị văn phòng, văn hoá giao tiếp công sở dành cho viên chức hành chính, năng lực nghiên cứu khoa học cho VC-NLĐ.
	Tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng lưu trữ và quản trị văn phòng, văn hoá giao tiếp công sở dành cho viên chức hành chính	20% (1 lớp)	20% (1 lớp)	01 lớp	01 lớp	01 lớp	
	Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp hoặc chuyên đề phù hợp nhu cầu	20% (1 lớp)	20% (1 lớp)	01 lớp	01 lớp	01 lớp	
	Tổ chức tập huấn công tác hành chính đối với chuyên viên tại các phòng, ban, khoa	01 lớp	01 lớp	01 lớp	01 lớp	01 lớp	
2	Tạo điều kiện thuận lợi, đề cử viên chức và người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ:						
	Cử VC&NLĐ tham gia chương trình thạc sĩ	24.6% (16 người)	23.1% (15 người)	14 người	10 người	10 người	Cử 65 lượt VC&NLĐ tham gia chương trình thạc sĩ

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	Cử VC&NLĐ tham gia chương trình tiến sĩ	14.6% (22 người)	16.7% (25 người)	28 người	15 người	15 người	Cử 105 lượt VC&NLĐ tham gia chương trình tiến sĩ
3	Hoàn thiện và triển khai hiệu quả Đề án đánh giá, xếp loại VC&NLĐ theo Đề án vị trí việc làm để xây dựng đội ngũ viên chức và người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn của trường đại học theo định hướng nghiên cứu, phù hợp cơ chế tự chủ của Nhà trường	Tiến hành chạy thử nghiệm đồng bộ quy định và phần mềm đánh giá, xếp loại VC&NLĐ tại 6 đơn vị	Áp dụng đánh giá chính thức bộ quy định và phần mềm đánh giá, xếp loại VC&NLĐ đối với tất cả đơn vị	Áp dụng đánh giá chính thức bộ quy định và phần mềm đánh giá, xếp loại VC&NLĐ đối với tất cả đơn vị	Áp dụng đánh giá chính thức bộ quy định và phần mềm đánh giá, xếp loại VC&NLĐ đối với tất cả đơn vị	Áp dụng đánh giá chính thức bộ quy định và phần mềm đánh giá, xếp loại VC&NLĐ đối với tất cả đơn vị	Hoàn thiện và triển khai hiệu quả Đề án đánh giá, xếp loại VC&NLĐ theo Đề án vị trí việc làm để xây dựng đội ngũ viên chức và người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn của trường đại học theo định hướng nghiên cứu, phù hợp cơ chế tự chủ của Nhà trường
4	Xây dựng kế hoạch số hóa hồ sơ nhân sự, sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, sắp xếp, lưu trữ, mã hóa	50%	60%	80%	95%	100%	Hoàn thành hồ sơ nhân sự
Mục tiêu cụ thể 4: Quy hoạch nhân sự							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	**Giới thiệu nhân sự quy hoạch giữ vị trí lãnh đạo**				**Giới thiệu 02 nhân sự để quy hoạch giữ vị trí**		

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	các ban chức năng ĐHQG-HCM				**lãnh đạo các ban chức năng ĐHQG-HCM**		

❖ CHIẾN LƯỢC 3 – CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH – CƠ SỞ VẬT

❖ CHIẾN LƯỢC 3.1 – TÀI CHÍNH

1.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo nguồn lực tài chính theo yêu cầu phát triển của Trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*: Tăng nguồn thu cả về quy mô và cơ cấu từ các hoạt động của Trường**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ giáo dục đào tạo	Hoàn thiện đề án	Thu học phí theo đề án kinh tế kĩ thuật và dịch vụ giáo dục đào tạo và đề án tự chủ	Thu học phí theo đề án kinh tế kĩ thuật và dịch vụ giáo dục đào tạo và đề án tự chủ	Thu học phí theo đề án kinh tế kĩ thuật và dịch vụ giáo dục đào tạo và	Thu học phí theo đề án kinh tế kĩ thuật và dịch vụ giáo dục đào tạo và	- Đề án định mức kinh tế; - kỹ thuật và giá dịch vụ giáo dục đào tạo.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
					đề án tự chủ	đề án tự chủ	
2	Xây dựng hệ thống các chính sách tài chính hỗ trợ hoạt động cho các đơn vị	Xây dựng Quy chế thu chi tài chính các hoạt động phù hợp KHCL	Xây dựng Quy chế thu chi tài chính các hoạt động theo hướng tự chủ	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các chính sách tài chính	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các chính sách tài chính	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các chính sách tài chính	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Chính sách học phí; - Cơ cấu thu chi.
3	Phát triển nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ	Tỉ lệ tăng từ 5% - 10%	Tỉ lệ tăng trung bình 50% so với năm 2021 (năm chưa tự chủ)	Tỉ lệ tăng từ 10% - 20%	Tỉ lệ tăng từ 10% - 15%	Tỉ lệ tăng từ 5% - 10%	- Học phí các hệ đào tạo; - Nghiên cứu khoa học & chuyển giao công nghệ; - Hoạt động sản xuất kinh doanh & cung ứng dịch vụ.
4	Tìm kiếm các nguồn tài trợ trong và ngoài nước	Kinh phí tài trợ tăng từ 2% - 10%	Kinh phí tài trợ tăng từ 2% - 10%	Kinh phí tài trợ tăng từ 2% - 10%	Kinh phí tài trợ tăng từ 2% - 10%	Kinh phí tài trợ tăng từ 2% - 10%	- Tỷ lệ các đối tác tài trợ: tổ chức trong và ngoài nước, cựu sinh viên; - Tổng số kinh phí tài trợ các năm.
***Mục tiêu cụ thể 2*: Sử dụng hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tài chính**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
1	Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ Trường theo hướng tự chủ đại học	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật hàng năm
2	Xây dựng và thực hiện quy định trích lập và sử dụng các quỹ hoạt động của Trường	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng các quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, ổn định thu nhập, …)
3	Phân tích, dự báo, hoạch định tài chính hàng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	- Báo cáo phân tích tài chính hàng năm; - Kế hoạch tài chính hàng năm.
Mục tiêu cụ thể 3: **Nâng cao thu nhập cho viên chức và người lao động**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Hoàn thiện hệ thống chính sách về thu nhập cho VC&NLĐ	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	Hằng năm	- Quy chế chi tiêu nội bộ; - Đề án vị trí việc làm; - Quy chế đánh giá Viên chức - Người lao động.
2	Tăng thu nhập cho VC&NLĐ hàng năm		Thu nhập trung bình hàng năm 180 triệu đồng/người	Tỷ lệ tăng thu nhập trung bình hàng năm từ 10% - 20%	Tỷ lệ tăng thu nhập trung bình hàng năm	Tỷ lệ tăng thu nhập trung bình hàng năm	- Thu nhập trung bình hàng năm 180 triệu đồng/người (15 triệu đồng/tháng);

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
			(15 triệu đồng/tháng)		từ 10% - 20%	từ 10% - 20%	- Tỷ lệ tăng thu nhập trung bình giai đoạn 2021-2025 từ 50% - 100%.

❖ **CHIẾN LƯỢC 3.2 – CƠ SỞ VẬT CHẤT**

1.1. Mục tiêu chung

Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng theo mô hình các trường đại học tiên tiến trong khu vực.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*:** **Đáp ứng đầy đủ và phù hợp cơ sở vật chất, trang thiết bị**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng hệ thống phòng ốc đáp ứng đa dạng các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Trường	Triển khai xây dựng	Hoàn thành 6500 m2	Chuẩn bị đầu tư Nhà NV.B4-2, diện tích 7000 m2 (điều chỉnh theo tiến độ thực tế)	Triển khai xây dựng Nhà NV.B4-2, diện tích 7000 m2 Chuẩn bị đầu tư Nhà NV.B2, diện tích 7.000 m2; Nhà NV.B12, diện tích 12.500 m2 (điều chỉnh theo tiến độ thực tế)	Hoàn thành xây dựng Nhà NV.B4-2, diện tích 7000 m2 Triển khai xây dựng Nhà NV.B2, diện tích 7.000 m2; Nhà NV.B12, diện tích 12.500 m2 (điều chỉnh theo tiến độ thực tế)	- Cơ sở Thủ Đức: diện tích sàn xây dựng đạt 67 m2/ 176.000 m2 (38%) (Nguyên nhân điều chỉnh: do phần khối lượng còn lại chưa triển khai trong tổng số 93.000m2 sàn, bao gồm: Nhà NV.B4-2; Nhà NV.B12; NV.B2; Nhà Thư viện NV.A3; NV.C2. Trong đó: Nhà NV.B4-2 đang trong giai đoạn thiết kế; Nhà NV.B12 và NV.B2 đã trình bổ sung kế hoạch đầu tư trung

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
							hạn giai đoạn 2021) - 2025; các hạng mục còn lại chưa có kế hoạch triển khai)
		61%	90%	61% (12,5ha) (điều chỉnh theo thực tế công tác thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng do địa phương thực hiện)	80% (16,3ha) (điều chỉnh theo thực tế công tác thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng do địa phương thực hiện)	100% (20,34ha) (điều chỉnh theo thực tế công tác thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng do địa phương thực hiện)	- Cơ sở Thủ Đức: thu hồi 100% mặt bằng đất xây dựng vào năm 2025; (Nguyên nhân điều chỉnh: Thực tế công tác thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng do địa phương thực hiện vẫn dậm chân ở khối lượng 12,5/20,34 ha từ năm 2020 (trong các năm 2021, 2022 và 6 tháng đầu năm 2023: khối lượng 0%)) - Cơ sở Đinh Tiên Hoàng: hoàn thành

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
							quy hoạch chi tiết 1/500;
		Khảo sát và thực hiện	Hoàn thành	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Hoàn thành đầu tư	Cơ sở Đinh Tiên Hoàng: xây dựng hoàn thành khu nhà B diện tích sàn 9.380 m2; (Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh thông số theo hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500)
		50%	75%	20% (điều chỉnh theo tiến độ của ĐHQG HCM)	40% (điều chỉnh theo tiến độ của ĐHQG HCM)	40% (điều chỉnh theo tiến độ của ĐHQG HCM)	Hoàn thành Hợp phần 1: dự án cải tạo giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm ảo thuộc Dự án "Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam – Tiểu dự án ĐHQG HCM"
2	Triển khai, xây dựng cảnh quan theo mô hình đại học xanh	30%	40%	50%	70%	90%	Hoàn thành cơ bản kế hoạch xây dựng đại học xanh

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
3	Cung cấp nguồn tài nguyên học liệu theo hướng số hóa phục vụ cho các hoạt động của Trường	Thực hiện trang bị hoàn thiện các bộ phần mềm hỗ trợ cơ bản -Theo yêu cầu	Thực hiện trang bị các bộ phần mềm hỗ trợ cơ bản và chuyên sâu -theo yêu cầu	Thực hiện trang bị các bộ phần mềm chuyên sâu -theo yêu cầu	Thực hiện trang bị các phần mềm chuyên sâu -Theo yêu cầu	Vận hành và cải tiến -Theo yêu cầu	- Trang bị các phần mềm hỗ trợ học thuật; - Đảm bảo nguồn học liệu theo yêu cầu của môn học.
***Mục tiêu cụ thể 2*: Tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường.**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Chuẩn hóa công tác vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị	30%	60%	50% (điều chỉnh theo tiến độ công tác chuyển đổi số)	80% (điều chỉnh theo tiến độ công tác chuyển đổi số)	100% (điều chỉnh theo tiến độ công tác chuyển đổi số)	- Tin học hóa công tác vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị;
		70%	100%	Vận hành, cải tiến	Vận hành, cải tiến	Vận hành, cải tiến	- Quy trình quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị cập nhật hàng năm;

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
2	Chuyên nghiệp hóa đội ngũ quản trị công nghệ thông tin	Chuẩn bị đề án	Thành lập trung tâm 06 người	Hoạt động và cải tiến 08 người	Hoạt động và cải tiến 10 người	Hoạt động và cải tiến Tổ chức hoạt động	- Thành lập trung tâm quản lý dữ liệu Trường; - Quy mô nhân sự: 10 người.
3	Tổ chức tập huấn cho chuyên viên và người lao động	Xây dựng kế hoạch	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Các lớp, đợt tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống công nghệ thông tin

❖ **CHIẾN LƯỢC 4- CHIẾN LƯỢC VỀ ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

1.1 . Mục tiêu chung

- Phát triển chương trình đào tạo liên ngành đáp ứng triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường theo hướng hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.
- Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng chuyển đổi số để thích ứng với bối cảnh cuộc phát triển khoa học công nghệ 4.0.
- Củng cố và gia tăng các hoạt động kiểm định theo các chuẩn kiểm định trong và ngoài nước; xây dựng thành công văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*: Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo liên ngành có nhu cầu xã hội cao thể hiện bản sắc Khoa học Xã hội và Nhân văn**						

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Hoàn thiện chương trình giảng dạy các môn đại cương	Triển khai đề án thành lập Khoa Khoa học liên ngành	100% các môn đại cương được rà soát điều chỉnh CĐR theo hướng liên ngành	100% các khoa đề xuất các môn Đại cương từ khoa khoa học liên ngành vào khung chương trình đào tạo của khoa	Xây dựng chương trình giáo dục đại cương theo hướng tiếp cận liên ngành	Triển khai thực hiện chương trình giáo dục đại cương	100% các môn Đại cương được điều chỉnh rà soát và cập nhật
2	Hoàn thiện chương trình giảng dạy các môn tiếng Anh chuyên ngành		20% các môn tiếng anh chuyên ngành tại các khoa được rà soát, điều chỉnh CĐR	50% các môn tiếng anh chuyên ngành tại các khoa được rà soát, điều chỉnh CĐR	80% các môn tiếng anh chuyên ngành tại các khoa được rà soát, điều chỉnh CĐR	100% các môn tiếng anh chuyên ngành tại các khoa được rà soát, điều chỉnh CĐR	100% các môn tiếng Anh chuyên ngành tại các khoa được rà soát, điều chỉnh CĐR

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
3	Giảng dạy các môn kỹ năng mềm cho sinh viên		100% các môn kỹ năng mềm trong chương trình đạo tạo của một số khoa/bộ môn được rà soát	50% sinh viên các khoa/bộ môn được giảng dạy kỹ năng mềm	80% sinh viên các khoa/bộ môn được giảng dạy kỹ năng mềm	100% sinh viên các khoa/bộ môn được giảng dạy kỹ năng mềm	100% sinh viên các khoa/bộ môn được giảng dạy kỹ năng mềm
4	Triển khai và mở rộng các chương trình liên thông giữa các bậc học	Xây dựng đề án liên thông từ ĐH lên SĐH đối với các ngành học đã được kiểm định và đạt chuẩn khu vực cấp AUN	Mở ngành Đô thị học	Mở ngành Châu Á học	Mở 2 ngành Báo chí học và Văn hoá học	Mở ngành Nhân học	02 ngành liên thông từ ĐH lên SĐH: Xã hội học, Khoa học thư viện
		Từ trung cấp/cao đẳng lên đại học	Lưu trữ học (bắt đầu tuyển sinh theo hình thức vừa làm vừa học				1 ngành từ TC/CĐ lên ĐH
5	Triển khai chương trình đào tạo song ngành	40%	60%	70%	80%	100%	Tỉ lệ CTĐT song ngành có sinh viên đăng ký đủ để mở lớp

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
6	Xây dựng đề án mở ngành mới	- Cử nhân: Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục; Việt Nam học cho SV VN; -Thạc sĩ: Báo chí học; Hàn Quốc học; Du lịch. -Tiến sĩ: Nhân học.	- Cử nhân: Thạc sĩ: Thạc sĩ: 0 (do chưa đủ nhân sự mở ngành theo quy định mới) - Tiến sĩ: Việt Nam học.	- Cử nhân: Quốc tế học; Kinh tế thương mại Hàn Quốc; Nghệ thuật học; -Thạc sĩ: 0 (do chưa đủ nhân sự mở ngành theo quy định mới) - Tiến sĩ: 0 (do chưa đủ nhân sự mở	- Cử nhân: Quản trị chất lượng giáo dục - Thạc sĩ: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Hàn; Biên phiên dịch tiếng Hàn (liên kết); Ngôn ngữ Trung Quốc; Nhật bản học; Quản trị tổ chức (thí điểm) - Tiến sĩ: 0 (do chưa đủ nhân sự mở ngành	- Cử nhân: Ngôn ngữ học ứng dụng; Thông tin học -Thạc sĩ: 0 (do chưa đủ nhân sự mở ngành theo quy định mới) - Tiến sĩ: Lý luận và	09 ngành bậc cử nhân 08 ngành bậc thạc sĩ 03 ngành bậc tiến sĩ

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
				ngành theo quy định mới)	theo quy định mới)	phương pháp dạy học tiếng Anh (Các ngành khác chưa đủ nhân sự mở ngành theo quy định mới) mới)	
7	**Triển khai chương trình đào tạo liên trường**				**Tối thiểu 01 chương trình**		
8	**Xây dựng bài giảng MOOCs**				**04 môn học**		
9	Mở các ngành đào tạo theo hướng chương trình ưu việt; chương trình đào tạo từ xa; chương trình chính phụ	Xây dựng các đề án	Mở chương trình ưu việt các ngành: Hàn Quốc học, Tâm lý học	Mở chương trình ưu việt các ngành: Truyền thông đa phương tiện; Ngôn ngữ Pháp. Mở chương trình Đào tạo	Mở chương trình ưu việt các ngành: Văn học. Mở 1 ngành đào theo chương trình đào tạo chính – phụ	Mở chương trình ưu việt các ngành: Quản lý thông tin; Công tác xã hội	09 ngành được đào tạo theo hình thức mới

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
				từ xa ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
10	Triển khai bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV	Ban hành bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp ĐH KHXH&NV	Tập huấn bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV		Tập huấn bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV		100% giáo vụ, CVHT là lãnh đạo phụ trách đào tạo các khoa được tập huấn bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV.
	Lồng ghép bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV vào đề cương chi tiết của các môn học Đại cương	20% các môn đại cương	40% các môn đại cương	60% các môn đại cương	80% các môn đại cương	100% các môn đại cương	Tỉ lệ các môn Đại cương được cập nhật bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH KHXH&NV
***Mục tiêu cụ thể 2*: Tiếp tục xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo quốc tế theo hướng liên kết một phần hoặc toàn phần**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Chủ động mở rộng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế	Hoàn thành đề án và tuyển sinh ngành cử nhân Ngôn	Hoàn thành Đề án và tuyển sinh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành liên kết đào tạo với ĐH	Hoàn thành Đề án và tuyển sinh cử nhân Quản trị Khách sạn	Hoàn thành Đề án và tuyển sinh cử nhân Tâm lý học liên kết	Hoàn thành Đề án và tuyển sinh Cử nhân Quản lý Đô	Số lượng chương trình đào tạo quốc tế (06 chương trình)

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
		ngữ Anh liên kết University of Minnesota Crookston – Hoa Kỳ (UMC); Ngôn ngữ Trung liên kết với Đại học Sư phạm Quảng Tây – Trung Quốc (Guang Xi)	DUSIT Thái Lan): cử nhân Quản trị Du lịch và Lữ hành liên kết với Pacific International Hotel Management School – New Zealand (PIHMS); Cử nhân ngôn ngữ Nhật liên kết với Đại học Tokyo University of Foreign Studies – Nhật Bản (TUFS); Cử nhân ngôn ngữ Hàn liên kết với Đại học Busan – Hàn Quốc	liên kết với Pacific International Hotel Management School – New Zealand (PIHMS); Cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc liên kết với Đại học Kookmin – Hàn Quốc	Đại học Minnnesota – Hoa Kỳ; Cử nhân ngôn ngữ Nhật liên kết với Đại học Tokyo University of Foreign Studies – Nhật Bản (TUFS)	thị liên kết với Đại học Chicago Bang Illinois – Hoa Kỳ	
Mục tiêu cụ thể 3: **Điều chỉnh, phát triển các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập chuẩn quốc tế.**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Số lượng khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời lượng giảng dạy hoặc		20% khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời	50% khoa có ít nhất 01 môn học có	80% khoa có ít nhất 01 môn học có một	100% khoa có ít nhất 01 môn học có	100% khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời lượng giảng dạy

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế		lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế	một phần thời lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế	phần thời lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế	một phần thời lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế	hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ quốc tế
2	Nâng cao tỷ lệ học ngoại ngữ không chuyên	30% sinh viên trong quy định phải học NNKC tham gia đăng ký học NNKC	40% sinh viên trong quy định phải học NNKC tham gia đăng ký học NNKC	50% sinh viên trong quy định phải học NNKC tham gia đăng ký học NNKC	60% sinh viên trong quy định phải học NNKC tham gia đăng ký học NNKC	70% sinh viên trong quy định phải học NNKC tham gia đăng ký học NNKC	Tỉ lệ học ngoại ngữ không chuyên
3	Tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cho giảng viên	3 lớp	3 lớp	3 lớp	3 lớp	3 lớp	100% giảng viên được tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy
4	Hoàn thiện giáo trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ	02 giáo trình	02 giáo trình	02 giáo trình	02 giáo trình	02 giáo trình	100% giảng viên được tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
5	Kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ	02 khảo sát 02 dự giờ	02 khảo sát 02 dự giờ	02 khảo sát 02 dự giờ	02 khảo sát 02 dự giờ	02 khảo sát 02 dự giờ	Biên bản kết quả khảo sát
6	Xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ	01 câu lạc bộ ngoại ngữ được thành lập	10% sinh viên không chuyên đăng ký tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ	20% sinh viên không chuyên đăng ký tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ	30% sinh viên không chuyên đăng ký tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ	40% sinh viên không chuyên đăng ký tham gia câu lạc bộ ngoại ngữ	
7	Truyền thông quy chế, phương pháp dạy và học ngoại ngữ ; tọa đàm: lợi ích về việc học ngoại ngữ; truyền thông qua fanpage.	04 tọa đàm	04 tọa đàm	04 tọa đàm	04 tọa đàm	04 tọa đàm	100% sinh viên nắm thông tin liên quan đến quy chế đào tạo NNKC và các hoạt động của NNKC
Mục tiêu cụ thể 4: **Xây dựng cơ chế, quy định về đào tạo thúc đẩy học tập suốt đời**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng các định chế nhằm thúc đẩy chương trình học tập suốt đời	Xây dựng cơ chế tài chính phù hợp với mô hình tự chủ trong hoạt động đào tạo	Rà soát và ban hành cơ chế phối hợp giữa các đơn vị hữu quan trong và ngoài Trường một cách khoa học và hiệu quả; ban	Ban hành và cải tiến các quy định nhằm cụ thể hoá các chương trình			Hoàn thành

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
			hành quy định đào tạo liên thông	đào tạo liên thông			
Mục tiêu cụ thể 5: **Hoàn thiện và phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến (ĐTTT)**							
1	Hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến	Xây dựng quy định về ĐTTT	Hoàn thiện hệ thống phần mềm hỗ trợ ĐTTT; Xây dựng học liệu số; 10% các khoa tham gia đăng ký môn ĐTTT	20% các khoa tham gia đăng ký môn ĐTTT	30% các khoa tham gia đăng ký môn ĐTTT	40% các khoa tham gia đăng ký môn ĐTTT	Tỉ lệ các khoa đăng kí ĐTTT
Mục tiêu cụ thể 6**: Đa dạng hóa và phát huy hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn kiểm định chất lượng trong và ngoài nước**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động: Nhà trường và 100% các CTĐT được kiểm định theo kế hoạch và cải tiến theo các Bộ tiêu chuẩn chất lượng, năng lực ĐBCL của cán bộ quản lý và văn hóa chất lượng được phát triển đồng bộ.							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm định và tái kiểm định cấp cơ sở đào tạo; cải tiến sau đánh giá ngoài	Hoàn thành cập nhật dữ liệu và cập nhật nội dung báo cáo tự đánh giá cấp trường	Đăng ký và được đánh giá ngoài cấp AUN-QA hoặc kiểm định theo BGD&ĐT	Xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài	Đánh giá kết quả cải tiến giữa kỳ cấp trường và thực hiện báo cáo cải tiến	Xây dựng kế hoạch tái kiểm định cấp cơ sở đào tạo	Trường được kiểm định/tái kiểm định và thực hiện cải tiến
2	Đẩy mạnh xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm định các chương trình đào	- 12 CTĐT theo AUN-QA	- 13 CTĐT theo AUN-QA	14 CTĐT theo AUN-QA	-16 CTĐT theo AUN-QA	-17 CTĐT theo AUN-QA	Số lượng CTĐT được kiểm định: thêm 25 chương trình đào tạo

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	tạo theo các bộ kiểm định tiêu chuẩn chất lượng đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của Trường và cải tiến sau đánh giá ngoài	- 02 CTĐT theo Bộ GD&ĐT	- 04 CTĐT theo FIBAA - 05 CTĐT theo Bộ GD&ĐT	-07 CTĐT theo FIBAA -08 CTĐT theo Bộ GD&ĐT	- 10 CTĐT theo FIBAA - 12 CTĐT theo Bộ GD&ĐT	- 13 CTĐT theo FIBAA - 15 CTĐT theo Bộ GD&ĐT	được kiểm định mới và đạt chuẩn
3	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ có kiến thức về đảm bảo chất lượng, quản lý chất lượng và kiểm định chất lượng	60% CB chuyên trách ĐBCL được đào tạo và cấp chứng chỉ ĐBCL cấp CSĐT và CTĐT 07 CB Trường được đào tạo và cấp thẻ kiểm định viên	70% CB chuyên trách ĐBCL được được đào tạo và cấp chứng chỉ ĐBCL cấp CSĐT và CTĐT 09 người được đào tạo và cấp thẻ kiểm định viên	80% CB chuyên trách ĐBCL được được đào tạo và cấp chứng chỉ ĐBCL cấp CSĐT và CTĐT 11 người được đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc thẻ kiểm định viên	90% CB chuyên trách ĐBCL được được đào tạo và cấp chứng chỉ ĐBCL cấp CSĐT và CTĐT 13 người được đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc thẻ kiểm định viên	100% CB chuyên trách BĐCL được đào tạo bồi dưỡng tham dự tập huấn về BĐCL cấp CSĐT và CTĐT 15 người được đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc thẻ kiểm định viên	100% CB chuyên trách BĐCL được đào tạo bồi dưỡng tham dự tập huấn về BĐCL cấp CSĐT và CTĐT 15 cán bộ trường được đào tạo và cấp chứng chỉ hoặc thẻ kiểm định viên cấp quốc gia/ quốc tế
4	100% các chương trình đào tạo cử nhân và 50% các CTĐT Thạc sỹ thực hiện tự đánh giá và cải tiến. 100% các khoa sử dụng	100% CTĐT cử nhân và 10% CTĐT ThS tự đánh giá và cải tiến.	100% CTĐT cử nhân và 20% CTĐT ThS tự đánh giá và cải tiến	100% CTĐT cử nhân và 30% CTĐT ThS tự đánh	100% CTĐT cử nhân và 40% CTĐT ThS tự đánh giá và cải tiến	100% CTĐT cử nhân và 50% CTĐT ThS tự đánh	Tỷ lệ % các CTĐT tự đánh giá và cải tiến,

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	hiệu quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng; đẩy mạnh văn hóa chất lượng đồng bộ	60% khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng	70% khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng	giá và cải tiến 80% khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng	90% khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng	giá và cải tiến 100% khoa sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng	Tỉ lệ % các khoa cải tiến sau khảo sát và thống kê dữ liệu
5	**Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường**	**60%**	**65%**	**70%**	**75%**	**80%**	**Tỉ lệ các bên liên quan hài lòng về các hoạt động của nhà trường**

❖ **CHIẾN LƯỢC 5 – CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG**

1.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng đơn vị trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về KHXH&NV trong cả nước, tiến tới trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu uy tín và chất lượng của khu vực châu Á.

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu KH&CN và năng lực công bố khoa học, đóng góp thiết thực cho chiến lược phát triển KT-VH-XH của đất nước và các địa phương.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
***Mục tiêu cụ thể 1*: Phát triển và đa dạng hóa nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Chủ động khai thác các dự án đầu tư chiều sâu cho KH&CN, tăng cường năng lực nghiên cứu của ĐHQG TP.HCM.	01 PTN		01 PTN			Có ít nhất 02 dự án Phòng thí nghiệm đầu tư chiều sâu hoặc tăng cường năng lực nghiên cứu.
2	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư và xây dựng Trung tâm nghiên cứu KHXH&NV phục vụ cộng đồng trực thuộc Trung tâm nghiên cứu tiên tiến ĐHQG-HCM.	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư	Xây dựng	Trung tâm nghiên cứu KHXH&NV phục vụ cộng đồng được thành lập
3	Hoàn thiện và triển khai đề án "Tái cơ cấu hoạt động khoa học & công nghệ Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM".	Xây dựng đề án và Nghiệm thu đề án	Triển khai công tác xây dựng	Khánh thành và đi vào hoạt động	Hoạt động hỗ trợ NCKH cho SV, GV & NNC	Hoạt động hỗ trợ NCKH cho SV, GV & NNC	Xây dựng và đi vào hoạt động Không gian đổi mới sáng tạo (i-Hub) cho sinh viên, giảng viên và nhà khoa học.

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
4	Tăng nguồn kinh phí dành cho NCKH thông qua các hình thức: - Đa dạng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN như: nguồn ngân sách NN, nguồn thu sự nghiệp Trường, tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế; - Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động hội nghị/ hội thảo khoa học có vốn đối ứng từ bên ngoài; - Tăng cường triển khai các kế hoạch, đề tài NCKH gắn với chuyển giao KH&CN; - Tối ưu việc sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí dành cho NCKH của trường.	Tăng 10%	Tăng 10%	Tăng 10%	Tăng 10%	Tăng 10%	Kinh phí dành cho khoa học công nghệ tăng lũy tiến 10% mỗi năm.
***Mục tiêu cụ thể 2*: Nâng cao năng lực NCKH và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
1	Duy trì và nâng cao hiệu quả Hội nghị NCKH SV hằng năm nhằm tạo sự lan tỏa hoạt động NCKH trong SV Trường	85%	88%	90%	95%	100%	100% khoa/bộ môn có sinh viên đăng ký tham gia NCKH;
	Tăng số lượng và kinh phí hỗ trợ thực hiện cho các đề tài NCKH SV	10%	15%	20%	25%	30%	-Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH SV tăng ít nhất 30%
2	Nâng cao năng lực nghiên cứu cho HVCH &NCS qua việc hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH và hội thảo	70%	75%	80%	85%	92%	Trên 90% HVCH & NCS tham gia vào các hoạt động NCKH.
3	Tổ chức hội thảo thường niên dành cho HVCH & NCS.	01 (QT)	01 (TN)	01 (QT)	01 (TN)	01 (QT)	Mỗi năm có ít nhất 01 hội thảo dành cho HVCH&NCS được tổ chức
4	Thể chế hóa hoạt động NCKH, đồng thời khuyến khích & hỗ trợ các đối tượng tham gia NCKH.	- Soạn thảo Quy định về công tác NCKH cho GV/NCV - Phê duyệt thành lập HĐ ĐĐNC	- Ban hành Quy định về công tác NCKH cho GV/ NCV - HĐ ĐĐNC hoạt động	- Triển khai và giám sát thực hiện - Bổ sung và điều chỉnh	Triển khai và giám sát thực hiện	Triển khai và giám sát thực hiện	- Có các văn bản qui định cụ thể về công tác NCKH của GV và Nghiên cứu viên; - Tất cả các nghiên cứu do nhà trường chủ trì đều được thẩm định và xét

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
							duyệt bởi Hội đồng Đạo đức nghiên cứu (ĐĐNC).
5	Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về phương pháp luận và kỹ năng NCKH cho mọi đối tượng.	03 đợt tập huấn kỹ năng NCKH: SV, HVCH&NCS, GV/NCV	03 đợt tập huấn kỹ năng NCKH: SV, HVCH&NCS, GV/NCV	03 đợt tập huấn kỹ năng NCKH: SV, HVCH&NCS, GV/NCV	03 đợt tập huấn kỹ năng NCKH: SV, HVCH&NCS, GV/NCV	03 đợt tập huấn kỹ năng NCKH: SV, HVCH&NCS, GV/NCV	Mỗi năm có ít nhất 03 đợt tập huấn về kỹ năng NCKH
6	Nâng cao số lượng và chất lượng của các đề tài NCKH cấp Cơ sở.	100% CBKH TN	- 90% CBKH TN - 10% CBKH QT	- 85% CBKH TN - 15% CBKH QT	- 80% CBKH TN - 20% CBKH QT	- 75% CBKH TN - 25% CBKH QT	100% đề tài NCKH cấp Cơ sở có công bố KH trên các Tạp chí uy tín trong nước hoặc quốc tế.
7	Định hướng tổ chức các hội thảo khoa học mang tính liên ngành và kết hợp.	01 hội thảo/ hội nghị	01 hội thảo/ hội nghị	01 hội thảo/ hội nghị	01 hội thảo/ hội nghị	01 hội thảo/ hội nghị	Mỗi năm có 1 hội thảo liên ngành cấp quốc gia được tổ chức.
Mục tiêu 3: Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy năng lực nghiên cứu khoa học và công bố khoa học							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Đẩy mạnh phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế nhằm tổ chức các hội nghị/ hội thảo khoa học, nghiên cứu và công bố chung.	06 hội thảo/ hội nghị	08 hội thảo/ hội nghị	09 hội thảo/ hội nghị	10 hội thảo/ hội nghị	10 hội thảo/ hội nghị	Trung bình mỗi năm tổ chức được 08 hội nghị/ hội thảo khoa học có hợp tác với đối tác trong nước/quốc tế.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
2	Thể chế hóa hoạt động công bố khoa học.	50 bài	60 bài	70 bài	80 bài	90 bài	Trong giai đoạn 2021-2025, công bố khoa học quốc tế thuộc CSDL ISI/Scopus tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 2016-2020 (đạt khoảng 350 bài)
		-0,18 bài/GV	-0,20 bài/GV	-0,22 bài/GV	-0,25 bài/GV	- 0,3 bài/GV	0,3 bài/GV/năm đăng tạp chí quốc tế không thuộc danh mục ISI/Scopus;
		- 0,10 bài/TS	- 0,11 bài/TS	- 0,12 bài/TS	- 0,13 bài/TS	- 0,15 bài/TS	Có số bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus đạt 0,15 bài/Tiến sĩ/năm;
		- 38% GV CBKH	- 40% GV CBKH	- 42% GV CBKH	- 45% GV CBKH	- 50% GV CBKH	Ít nhất 50% GV có công bố khoa học trên các tạp chí trong nước thuộc danh mục Hội đồng chức danh GSNN
3	Xây dựng mới Tạp chí chuyên ngành trong lĩnh vực KHXH&NV	Lập đề án, xin chủ trương	Chuẩn bị hồ sơ đăng kí, nộp hồ sơ	Tạp chí hoạt động thử nghiệm	Tạp chí hoạt động chính thức	Đánh giá hoạt động của Tạp chí	Xây dựng được ít nhất 01 tạp chí mới thuộc trường.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
4	Thành lập Trung tâm hỗ trợ công bố quốc tế (HTCBQT): bổ nhiệm nhân sự và kinh phí hoạt động trong giai đoạn 10 năm. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn các khoa ngắn hạn về các kỹ năng công bố khoa học quốc tế.	- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm HTCBQT, xin chủ trương và kinh phí - 03 đợt tập huấn kỹ năng CBKH	- Trung tâm HTCBQT hoạt động - 03 đợt tập huấn kỹ năng CBKH	- Đánh giá hoạt động TT HTCBQT - 03 đợt tập huấn kỹ năng CBKH	03 đợt tập huấn kỹ năng CBKH	03 đợt tập huấn kỹ năng CBKH	Mỗi năm có ít nhất 03 đợt tập huấn về kỹ năng viết bài báo và công bố khoa học.
5	Đưa Tạp chí phát triển KH&CN: Khoa học Xã hội và Nhân văn vào danh mục tính điểm của tất cả Hội đồng GSNN thuộc lĩnh vực KHXH&NV (07 ngành/ liên ngành).	01 ngành mới	01 ngành nâng điểm	01 ngành mới	01 ngành nâng điểm	01 ngành mới (đạt 100% các ngành của HĐ GSNN thuộc lĩnh vực KHXHNV)	Mỗi năm 1-2 ngành được đưa vào danh mục tính điểm/ nâng điểm của Hội đồng GSNN thuộc lĩnh vực KHXH&NV.
6	Duy trì và nâng dần chế độ ưu đãi, mức khen thưởng đối với công bố khoa học quốc tế.	Tăng 10%	Tăng 20%	Tăng 30%	Tăng 60%	Tăng 100%	Mức chi hỗ trợ công bố KHQT tăng ít nhất 100%.
7	Phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh có sự tham	03 CBKHQT	03 CBKHQT	03 CBKHQT	03 CBKHQT	03 CBKHQT	Mỗi năm có ít nhất 03 CBKH trên các tạp chí QT thuộc danh mục

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	gia của các nhà nghiên cứu quốc tế.						ISI/Scopus từ các nhóm nghiên cứu mạnh.
Mục tiêu cụ thể 4: **Nâng cao chất lượng các nghiên cứu cơ bản và đẩy mạnh các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực KHXH&NV**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Xác định các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản trọng tâm hàng năm.	01 đề tài NCCB	01 đề tài NCCB	01 đề tài NCCB	01 đề tài NCCB	01 đề tài NCCB	Có ít nhất có 05 đề tài NCKHCB trọng điểm được thực hiện.
2	**Triển khai đăng ký và thực hiện đề tài loại C mà ĐHQG-HCM giao cho Trường**				**05-10 đề tài**		
3	Ưu tiên triển khai các đề tài NCKH có tính ứng dụng.	01 đề tài NCƯD	01 đề tài NCƯD	01 đề tài NCƯD	01 đề tài NCƯD	01 đề tài NCƯD	Có ít nhất có 05 đề tài NCƯD được thực hiện.
4	Tăng cường các nghiên cứu liên ngành dựa trên sức mạnh hệ thống của ĐHQG-HCM.		01 đề tài		01 đề tài	01 đề tài	Có ít nhất 03 đề tài NCKH/ hoạt động khoa học có hợp tác với các trường thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM.
5	Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH của Trường.		01 đề tài	01 đề tài		01 đề tài	Có ít nhất 03 kết quả nghiên cứu từ các đề tài NCKH được thương mại hóa.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
6	Định hướng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách, chiến lược về KT-XH tại các địa phương; và vào việc phát triển ngành	01 hoạt động	01 hoạt động	01 hoạt động	01 hoạt động	01 hoạt động	Có ít nhất 05 hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách về KT-VH-XH cho bộ/ngành, địa phương được thực hiện.
7	Chủ động quảng bá và thực hiện các nghiên cứu theo nhu cầu của đối tác.		01 hợp đồng		01 hợp đồng	01 hợp đồng	Có ít nhất 03 hợp đồng tư vấn được ký kết.
***Mục tiêu cụ thể 5*: Tăng cường gắn kết địa phương và phục vụ cộng đồng**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu phát triển KT, VH, XH của địa phương để đưa ra các chương trình, kế hoạch hợp tác phù hợp.		01 chương trình	01 chương trình	01 chương trình		Triển khai thành công ít nhất 03 chương trình hỗ trợ địa phương.
2	Tích cực hỗ trợ các địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực, hỗ trợ và hợp tác với địa phương trong hoạt động khoa học công nghệ, tư	- 02 đối tác mới - 01 thỏa thuận	- 02 đối tác mới - 01 thỏa thuận	- 02 đối tác mới - 01 thỏa thuận	- 02 đối tác mới - 01 thỏa thuận	- 02 đối tác mới - 01 thỏa thuận	- Có ít nhất 10 đối tác mới (Sở ban ngành địa phương); - Có ít nhất 05 Thỏa thuận hợp tác giữa ĐHQG-HCM, USSH với địa phương được kí kết và triển khai.

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ
	vấn và giải quyết các vấn đề cấp bách.						
3	Đẩy mạnh các nghiên cứu gắn với sản phẩm đầu ra phục vụ nhu cầu thực tiễn của địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.	01 nghiên cứu	01 nghiên cứu	01 nghiên cứu	01 nghiên cứu	01 nghiên cứu	Có ít nhất 05 nghiên cứu có gắn với sản phẩm đầu ra được triển khai.
4	Phát huy vai trò và gắn nhiệm vụ của các TTNC thuộc Trường trong công tác tư vấn chính sách, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng đối với các địa phương.	70%	80%	90%	95%	100%	100% các TTNC thuộc trường có hoạt động hợp tác với địa phương.

❖ CHIẾN LƯỢC 6 – CHIẾN LƯỢC VỀ CÔNG TÁC NGƯỜI HỌC VÀ VĂN HÓA ĐẠI HỌC

1.1. Mục tiêu chung

- Quán triệt sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường trong giai đoạn mới;
- Xây dựng văn hóa người nhân văn, chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong Nhà trường và cộng đồng xã hội;
- Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho sinh viên;
- Định vị thương hiệu sinh viên nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể và kế hoạch hằng năm

NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG/ ĐÁNH GIÁ

<table>
<tr><td colspan="8"><u>Mục tiêu cụ thể 1</u>: Mỗi VC, NLĐ và người học hiểu Bộ giá trị cốt lõi (GTCL của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM "Sáng tạo - Dẫn dắt - Trách nhiệm"</td></tr>
<tr><td colspan="8">Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:</td></tr>
<tr><td colspan="7">Các hoạt động:</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">1</td><td rowspan="2">Đẩy mạnh truyền thông xã hội nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL của Nhà trường trong VC, NLĐ, người học và cộng đồng xã hội.</td><td>- Phổ biến Bộ GTCL của Trường;</td><td>- Đẩy mạnh truyền thông nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL;</td><td>- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL.</td><td>- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL.</td><td>Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL</td><td rowspan="2">Sau 05 năm triển khai thực hiện, 100% người học, CBVC và NLĐ biết đến Bộ GTCL của Trường;
Tổ chức ít nhất 01 cuộc thi có lồng ghép nội dung Bộ GTCL của Trường.</td></tr>
<tr><td>- Truyền thông nhằm lan tỏa Bộ GTCL của Trường đến người học, CBVC và NLĐ</td><td>- Tổ chức 02 chương trình chia sẻ Bộ GTCL;

- Trên 80% người học, CBVC và NLĐ hiểu Bộ GTCL của Trường</td><td>- Tổ chức 02 chương trình chia sẻ Bộ GTCL; Tổ chức cuộc thi tìm hiệu Bộ GTCL</td><td>- Tổ chức 02 chương trình chia sẻ Bộ GTCL; Trên 90% người học, CBVC và NLĐ hiểu Bộ GTCL của Trường</td><td>- Tổ chức 02 chương trình chia sẻ Bộ GTCL; Đạt 100% người học, CBVC và NLĐ hiểu Bộ GTCL của Trường</td></tr>
<tr><td colspan="8"><u>Mục tiêu cụ thể 2</u>: Xây dựng và Ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn", chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong Nhà trường và cộng đồng xã hội.</td></tr>
<tr><td colspan="8">Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:</td></tr>
<tr><td colspan="7">Các hoạt động:</td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn"</td><td>Soạn thảo và ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người</td><td>- Phổ biến Bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân</td><td>Tập trung phổ biến, tuyên truyền về văn hóa "Người</td><td>- Tổ chức các buổi talkshow chia sẻ về "Người Nhân</td><td>- Rà soát và đánh giá việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử "Người Nhân</td><td>Báo cáo kết quả thực hiện Bộ quy tắc ứng xử "Người Nhân văn"</td></tr>
</table>

		Nhân văn" của Trường.	văn trong phạm vi toàn Trường. - Tổ chức 02 chương trình truyền thông về bộ quy tắc ứng xử	Nhân văn" trong trường học; - Chia sẻ và lan tỏa văn hóa nhân văn trong Nhà trường. - Tổ chức cuộc thi đánh giá mức độ hiểu biết về bộ quy quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn"	văn". - Vận động trên 80% người học, VC&NLĐ Trường tuân theo các chuẩn mực văn hóa nhân văn.	văn"; - Tổ chức 1 cuộc thi "Nét đẹp người nhân văn"	
2	Duy trì và nâng cao chất lượng các buổi đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo Trường, khoa/bộ môn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên với VC, NLĐ, người học	100% đơn vị trực thuộc Trường tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại định kỳ hàng năm.	100% đơn vị trực thuộc Trường tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại định kỳ hàng năm.	100% đơn vị trực thuộc Trường tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại định kỳ hàng năm.	100% đơn vị trực thuộc Trường tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại định kỳ hàng năm.	100% đơn vị trực thuộc rường tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại định kỳ hàng năm	- Đảm bảo hiệu quả và chất lượng của các buổi đối thoại; - Đảm bảo đúng theo các quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan; -100% các tổ chức, cá nhân ý thức giữ gìn giá trị người nhân văn.
Mục tiêu cụ thể 3: **Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho sinh viên**							

Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động: xác định và thúc đẩy một số nội dung trọng tâm trong học tập và sinh hoạt để đạt chuẩn quốc tế							
Các hoạt động:							
1	Xây dựng môi trường học tập theo hướng tiếp cận tri thức quốc tế, trở thành một công dân toàn cầu	- Xác định các chuẩn quốc tế về môi trường học tập mà nhà trường hướng tới; - Nâng cấp hệ thống thư viện hiện đại, đảm bảo cung cấp đủ nguồn tài liệu cho người học; - Đảm bảo kết nối wifi trong khu vực tự học của Trường;	- Xây dựng chương trình bổ trợ tiếng anh cho sinh viên chưa đạt chuẩn trước khi vào chuyên ngành; - Tăng cường hoạt động các CLB hỗ trợ học thuật, CLB tiếng Anh,…	- Đẩy mạnh ký kết hệ thống tích lũy và trao đổi tín chỉ (ACTS); - Tăng cường môn học bằng tiếng Anh trong chương trình đào tạo tối thiểu 20%.	- Cải tạo 02 không gian tự học cho SV - Tổ chức 2 đợt triển khai thực hiện chương trình ĐH Xanh	- Kết nối không gian tự học gắn với thực hiện chương trình ĐH Xanh - Tổ chức 2 chương trình toạ đàm, chia sẻ, truyền thông về các mục tiêu phát triển bền vững; - Triển khai các chương trình kỹ năng hội nhập quốc tế; - Tổ chức 02 chương trình huấn luyện kỹ năng giao lưu, hội nhập quốc tế; - Đưa 50 sinh viên giao lưu quốc tế trong khu vực ASEAN thông qua	- Đánh giá về cơ sở vật chất theo chuẩn quốc tế. - Báo cáo kết quả tổ chức các chương trình. - Báo cáo về số chương trình được triển khai, biên bản ký kết; số sinh viên tham gia trao đổi, thực tập nước ngoài; Số chương trình đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh; Hệ thống, CSVC tòa nhà Thư viện

						chương trình Go Global USSH.	
2	Xây dựng môi trường sinh hoạt năng động, tự tin hội nhập quốc tế	- Xác định các chuẩn quốc tế về môi trường học tập mà Nhà trường hướng tới. - Tăng cường hoạt động của các CLB kỹ năng; giao lưu quốc tế; - Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	- Xây dựng chuỗi các khóa học kỹ năng mềm, lồng ghép vào chương trình đào tạo/theo nhóm ngành;	- Tổ chức 3-5 chương trình chia sẻ giá trị, kinh nghiệm cho sinh viên; - Tổ chức 1 cuộc thi với chủ đề "Công dân toàn cầu"	- Tổ chức 2 chương trình toạ đàm, chia sẻ, truyền thông về các mục tiêu phát triển bền vững; - Triển khai các chương trình kỹ năng hội nhập quốc tế; - Tổ chức 02 chương trình huấn luyện kỹ năng giao lưu, hội nhập quốc tế; - Đưa 50 sinh viên giao lưu quốc tế trong khu vực ASEAN thông qua chương trình Go Global USSH. - Tăng cường chia sẻ kiến thức về lễ tân/nghiệp vụ ngoại giao thông qua các	- Tổ chức 2 chương trình toạ đàm, chia sẻ, truyền thông về các mục tiêu phát triển bền vững; - Triển khai các chương trình kỹ năng hội nhập quốc tế; - Tổ chức 02 chương trình huấn luyện kỹ năng giao lưu, hội nhập quốc tế; - Đưa 50 sinh viên giao lưu quốc tế trong khu vực ASEAN thông qua chương trình Go Global USSH. - Tăng cường chia sẻ kiến thức về lễ tân/nghiệp vụ ngoại giao thông qua các chương trình ngoại khóa	- Đánh giá các chuẩn quốc tế đạt được. - Báo cáo số lượng các CLB kỹ năng, số chương trình giao lưu quốc tế; số sinh viên học kỹ năng mềm;

					chương trình ngoại khóa		
3	Đảm bảo dịch vụ và tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần	- Truyền thông về quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế để người học của Trường tham gia đầy đủ BHYT theo quy định; - Hỗ trợ các vấn đề về y tế cho người học.	- Bảo đảm 100% người học (Hệ CQ) của trường tham gia BHYT theo quy định; - Hỗ trợ các vấn đề về y tế cho người học	- Hỗ trợ các vấn đề về y tế cho người học; - Lập kế hoạch thành lập Phòng Tư vấn tâm lý để hỗ trợ sinh viên khi gặp áp lực tâm lý trong học tập và sinh hoạt.	- Vận hành hiệu quả các Phòng Tư vấn tâm lý hỗ trợ sinh viên; - Xây dựng phòng y tế đáp ứng đầy đủ về nhân sự và CSVC (trình độ chuyên môn tốt, CSVC hiện đại) đáp ứng 100% nhu cầu của người học	- Hoàn thiện và tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần; - Đảm bảo 100% người học được tư vấn miễn phí khi có nhu cầu.	- Tỉ lệ tham gia BHYT; - Đảm bảo tiến độ và thành lập Phòng tư vấn tâm lý; - Mức độ hài lòng của người học về năng lực chăm sóc sức khỏe tâm thần

4	Tìm kiếm nguồn học bổng cho người học, đặc biệt người học thuộc nhóm cần hỗ trợ, khuyến khích	Tăng cường vận động tài trợ từ các đơn vị, tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước	Tăng cường vận động tài trợ học bổng thêm 10% so với năm trước	Tăng cường vận động tài trợ học bổng thêm 10% so với năm trước	Tăng cường vận động tài trợ học bổng thêm 10% so với năm trước	Tăng cường vận động tài trợ học bổng thêm 10% so với năm trước	Tỉ lệ sinh viên được tài trợ học bổng và giá trí học bổng tăng
***Mục tiêu cụ thể 4*:** **Định vị thương hiệu sinh viên nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.**							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:							
Các hoạt động:							
1	Triển khai, áp dụng các nội hàm của Bộ Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục và Bộ quy tắc ứng xử Người Nhân văn trong hoạt động sinh viên	Tuyên truyền phổ biến nội dung Bộ Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục trong sinh viên Trường.	Tuyên truyền phổ biến nội dung Bộ Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục trong sinh viên Trường.	Tuyên truyền phổ biến nội dung Bộ Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục trong sinh viên Trường. Ban hành Bộ quy tắc ứng xử Người Nhân văn. Tổ chức 02 chương trình dành cho sinh viên đang học tập tại Trường.	Tuyên truyền phổ biến nội dung Bộ Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục và Bộ quy tắc ứng xử Người Nhân văn trong hoạt động sinh viên Tổ chức 02 chương trình dành cho sinh viên đang học tập tại Trường.	Tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể việc triển khai chương trình.	Bộ quy tắc ứng xử và kết quả lộ trình triển khai thực hiện.

2	Khuyến khích sinh viên phải tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng trong thời gian học tập tại trường	- Giới thiệu các hoạt động phong trào trong sinh viên của Nhà trường; - Góp ý về nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động phong trào cho ĐTN – HSV Trường; - Vận động sinh viên Trường tích cực tham gia.	- Đưa yếu tố khuyến khích sinh viên tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng là điều kiện đủ để xét khen thưởng, học bổng; - Vận động 50% SV Nhà trường hưởng ứng và tham gia.	- Duy trì yếu tố sinh viên tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng là điều kiện đủ để xét khen thưởng, học bổng; - Vận động 70% SV Nhà trường hưởng ứng và tham gia.	- Duy trì yếu tố sinh viên tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng là điều kiện đủ để xét khen thưởng, học bổng; - Vận động 90% SV Nhà trường hưởng ứng và tham gia.	Vận động 100% SV Nhà trường hưởng ứng và tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng trong suốt 4 năm học tập tại Trường;	Tỉ lệ SV tham gia hoạt động vì cộng đồng
3	Có chương trình hỗ trợ sinh viên lập và thực hiện chiến lược phát triển bản thân	Thiết kế lộ trình hỗ trợ sinh viên phát triển bản thân theo từng năm học cụ thể; - Triển khai và rà soát, cập nhật liên tục trong suốt quá trình.	Áp dụng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2021	Áp dụng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2022	Áp dụng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2023	Áp dụng cho sinh viên khóa tuyển sinh 2024	Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đơn vị sử dụng người lao động tốt nghiệp của Trường để rà soát, cập nhật chương trình đào tạo (02 năm/lần).

4	**Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn**				50% -Triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định, quy chế học tập cho SV. - Thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, học ngoại ngữ, tin học. - Tư vấn, hỗ trợ cho SV đang gặp khó khăn trong học tập	55% - Triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định, quy chế học tập cho SV. - Thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, học ngoại ngữ, tin học. - Tư vấn, hỗ trợ cho SV đang gặp khó khăn trong học tập	
5	**Tỉ lệ sinh viên bỏ học hoặc buộc thôi học**				15% -Tổ chức các chương trình tư vấn, hỗ trợ người học; - Vận động phát triển chương trình Khuyến học, Khuyến tài - Có trao đổi, động viên và tạo điều kiện cho SV học tập,	10% -Tổ chức các chương trình tư vấn, hỗ trợ người học; - Vận động phát triển chương trình Khuyến học, Khuyến tài - Có trao đổi, động viên và tạo điều kiện cho SV học tập, cải thiện	

					cải thiện học tập.	học tập.	
	Mục tiêu cụ thể 5: **Phát triển hoạt động cựu sinh viên**						
	Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động:						
1	Xây dựng hệ thống nhân sự ban liên lạc cựu SV mạnh	-Rà soát, kiện toàn nhân sự và hoạt động BLL CSV Trường, khoa, bộ môn; - Tổ chức chương trình hiến tặng, tài trợ từ CSV (200 triệu đồng).	- Triển khai phầm mềm CSDL Cựu SV; - Tổ chức 01 chương trình Gặp gỡ CSV và đối tác; - Tổ chức chương trình hiến tặng, tài trợ từ CSV (300 triệu đồng).	- Tổ chức 01 chương trình Gặp gỡ CSV và đối tác; - Tổ chức chương trình hiến tặng, tài trợ từ CSV (400 triệu đồng).	-Rà soát, kiện toàn nhân sự và hoạt động BLL CSV Trường, khoa, bộ môn; - Tổ chức chương trình hiến tặng, tài trợ từ CSV (500 triệu đồng).	- Tổ chức 01 chương trình Gặp gỡ CSV và đối tác; - Tổ chức chương trình hiến tặng, tài trợ từ CSV (600 triệu đồng).	-Thiết kế 01 phần mêm CSDL Cựu SV; - Vận động CSV hiến tặng 2 tỉ đồng cho Trường, khoa, bộ môn.
2	Triển khai các kế hoạch gắn kết CSV – Nhà trường	- Phát hành 04 News Letter gửi CSV	- Tổ chức chương trình chia sẻ của CSV với SV: + Cấp trường: 03 + Cấp khoa/ BM: tối thiểu 28 - Phát hành 12	- Tổ chức chương trình chia sẻ của CSV với SV: + Cấp trường: 03 + Cấp khoa/ BM: tối thiểu 28 - Phát hành 12	- Tổ chức chương trình chia sẻ của CSV với SV: + Cấp trường: 03 + Cấp khoa/ BM: tối thiểu 28 - Phát hành 12	- Tổ chức chương trình chia sẻ của CSV với SV: + Cấp trường: 03 + Cấp khoa/ BM: 2 tối thiểu 28 - Phát hành 12 News Letter gửi CSV	- Phát hành 52 News Letter. - Tổ chức chương trình chia sẻ CSV – SV: + Cấp trường: 12 +Cấp khoa, bộ môn: tối thiểu 112

			News Letter gửi CSV	News Letter gửi CSV	News Letter gửi CSV		
3	Triển khai kế hoạch gắn kết CSV - CSV	Tổ chức kết nối CSV các khoa, bộ môn	Tổ chức kết nối CSV các khoa, bộ môn	Tổ chức kết nối CSV các khoa, bộ môn.	Tổ chức kết nối CSV các khoa, bộ môn.	Tổ chức kết nối CSV các khoa, bộ môn.	100% các khoa, bộ môn có chương trình kết nối CSV hàng năm.
<u>Mục tiêu cụ thể 6:</u> Thực hiện hiệu quả công tác xây dựng thương hiệu và truyền thông							
Kết quả kỳ vọng từng năm qua các hoạt động: Đưa thương hiệu Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thành thương hiệu mạnh và đảm bảo hình ảnh tích cực về Nhà trường							
Các hoạt động:							
1	Thực hiện truyền thông về giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục, xây dựng các thông điệp quảng bá thương hiệu của Nhà trường	-Xác định các thông điệp truyền thông; - Thực hiện 01 chiến dịch quảng bá giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.	- Đánh giá quá trình thực hiện; điều chỉnh kế hoạch; - Thực hiện 01 chiến dịch quảng bá giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.	-Sơ kết quá trình thực hiện; tái định hướng quá trình truyền thông; - Thực hiện 01 chiến dịch quảng bá giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.	- Đánh giá quá trình thực hiện; điều chỉnh kế hoạch thực hiện; - Thực hiện 01 chiến dịch quảng bá giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.	- Tổng kết quá trình thực hiện; điều chỉnh kế hoạch thực hiện; - Thực hiện 01 chiến dịch quảng bá giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.	- Có 01 kế hoạch thực hiện hàng năm; - Có 01 thông điệp chính thức hàng năm (tháng 1); - Có tối thiểu 03 chương trình truyền thông về giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.
2	Thực hiện các giải pháp phát triển nhận diện thương hiệu, xây dựng và phát triển thương hiệu trên nền tảng internet	-Ban hành kế hoạch phát triển nhận diện thương hiệu; -Xây dựng các điểm phát triển nhận diện	-Đo lường sức mạnh thương hiệu; -Thực hiện kế hoạch phát	-Thực hiện kế hoạch phát triển nhận diện thương hiệu; - Xây dựng và phát triển thương hiệu đại	-Thực hiện kế hoạch phát triển nhận diện thương hiệu; -Xây dựng và phát triển thương hiệu đại	-Đo lường sức mạnh thương hiệu; -Thực hiện kế hoạch phát triển	- Có 01 kế hoạch/ năm; - Thực hiện tối thiểu 01 công trình nhận diện thương hiệu/ năm;

		thương hiệu trong khuôn viên Trường, không gian mạng.	triển nhận diện thương hiệu. - Tiếp tục thực hiện các điểm nhận diện và phát triển thương hiệu.	học mạnh trong khu vực Đông Nam Á.	học mạnh trong khu vực Đông Nam Á.	nhận diện thương hiệu. - Xây dựng và phát triển thương hiệu đại học mạnh trong khu vực Đông Nam Á.	-Tặng mỗi CB,VC,NLĐ 01 bộ quà tặng nhận diện thường hiệu/ năm; - Có 03 sản phẩm lưu niệm nhận diện thương hiệu/ năm.
3	Xây dựng và phát triển thương hiệu trên nền tảng internet	-Có giải pháp kỹ thuật để đánh giá thương hiệu trên internet; -PR thông qua phim ảnh, tin tức, bài viết tích cực; -Thiết lập mối quan hệ tích cực với báo giới, cơ quan truyền thông; -Đề xuất công cụ kiểm soát thông tin về trường trên internet; -Xây dựng các ấn phẩm truyền thông, các bài viết tích cực về	-PR thông qua phim ảnh, tin tức, bài viết tích cực; -Thường xuyên kiểm soát thông tin về trường trên internet; -Xóa, gỡ các thông tin xuyên tạc; -Phát triển các ấn phẩm truyền thông, các bài viết tích cực về Trường để cộng đồng lan truyền.	-Thực hiện báo cáo đánh giá thương hiệu Trường; -PR thông qua phim ảnh, tin tức, bài viết tích cực; -Kiểm soát thông tin về Trường trên internet; -Xóa, gỡ các thông tin xuyên tạc; -Phát triển các ấn phẩm truyền thông, các bài viết tích cực về trường để cộng đồng lan truyền.	-Kiểm soát thông tin về trường trên internet; -Xóa, gỡ các thông tin xuyên tạc; -Tiếp tục phát triển các ấn phẩm truyền thông, các bài viết tích cực về Trường để cộng đồng lan truyền.	-Kiểm soát thông tin về Trường trên internet; -PR thông qua phim ảnh, tin tức, bài viết tích cực; -Xóa, gỡ các thông tin xuyên tạc; -Phát triển các ấn phẩm truyền thông, các bài viết tích cực về trường để cộng đồng lan truyền.	-Có tối thiểu 10 bài báo/năm có tin tích cực về Trường; -Tổ chức 01 buổi gặp mặt báo chí/năm; -Trang bị bộ công cụ quản trị thương hiệu trên nền tảng internet.

		Trường để cộng đồng lan truyền.					
4	Thực hiện công tác dự báo, phòng ngừa, xử lý sự cố truyền thông	-Xây dựng bộ chỉ báo phòng ngừa khủng hoảng truyền thông; -Phát hiện, xử lý các rủi ro truyền thông;	- Phát hiện, xử lý các rủi ro truyền thông; -Xây dựng Quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông;	-Thực hiện bộ chỉ báo phòng ngừa khủng hoảng truyền thông; -Phát hiện, xử lý các rủi ro truyền thông;	-Thực hiện bộ chỉ báo phòng ngừa khủng hoảng truyền thông; -Phát hiện, xử lý các rủi ro truyền thông;	-Thực hiện bộ chỉ báo phòng ngừa khủng hoảng truyền thông; -Phát hiện, xử lý các rủi ro truyền thông;	-Ban hành bộ chỉ báo phòng ngừa khủng hoảng truyền thông; -Điều chỉnh, ban hành bộ quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông.
5	Thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh các hệ đào tạo	-Hoàn chỉnh cổng thông tin tuyển sinh; -Thực hiện kế hoạch TVTS trong bối cảnh tự chủ đại học.	-Triển khai bộ thu thập dữ liệu người học tiềm năng; - Thực hiện bộ clip giới thiệu các ngành đào tạo (nhóm 1); - Xây dựng Tổ TVTS đến cấp khoa/ bộ môn; -Tổ chức ngày hội TVTS.	-Thực hiện giải pháp TVTS cho học sinh quốc tế; - Thực hiện bộ clip giới thiệu các ngành đào tạo (nhóm 2)	-Truyền thông, thu hút người học trong khu vực ASEAN, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan…; -Truyền thông, TVTS cho trường chuyên XHNV	-Truyền thông, thu hút người học trong khu vực ASEAN, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan…;	-Có 01 cổng thông tin tuyển sinh hoàn chỉnh; -Có 01 công cụ thu thập dữ liệu người học tiềm năng.

Phụ lục IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Đính kèm theo Kế hoạch chiến lược Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM giai đoạn 2021-2025)

(Đơn vị: triệu đồng)

Tổng dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch chiến lược 2021 – 2025 là 589.440.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi chính tỉ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

❖ CHIẾN LƯỢC 1 – QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC

Mục tiêu chung:

- Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ có hệ thống quản trị hiện đại, hội nhập quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin được đồng bộ phục vụ cho nhu cầu phát triển của Nhà trường.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản trị của Nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**15.110**
1	Hoàn thiện tổ chức và phát huy hiệu quả của Tổ Công nghệ thông tin và Dữ liệu, Ban Biên tập Website đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường	80	200	800	1200	2000	4280

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
2	Xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ cho việc phân tích, đánh giá các hoạt động của Nhà trường.	80	200	250	400	500	1430
3	Tin học hóa và cấp hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin cũng như hệ thống phần mềm hiện đại, đáp ứng nhu cầu quản trị của Nhà trường thông qua việc hợp tác với các đơn vị có chuyên môn cao; Tích hợp các phần mềm quản lý văn bản, cập nhật các mẫu văn bản trên hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường	50	500	800	1200	1500	4050
4	Thực hiện quá trình chuyển đổi số trong Trường	50	400	800	1600	2500	5350
***Mục tiêu cụ thể 2*: Kiện toàn hệ thống tổ chức phù hợp với lộ trình tự chủ của Nhà trường**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**5.010**
1	Sắp xếp các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phù hợp với yêu cầu tự chủ của Nhà trường	0	20	40	80	200	340
2	Thành lập các trường, đơn vị đào tạo các cấp đáp ứng nhu cầu xã hội	-	-	-	2000	2000	4000
4	Xây dựng các đề án phù hợp với kế hoạch tự chủ của Nhà trường	40	60	120	200	250	670
***Mục tiêu cụ thể 3*: Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ đáp ứng sự đồng bộ hóa trong công tác quản trị**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**1.230**

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
1	Chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc, đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường hiệu quả và tuân thủ đúng quy định pháp luật	20	40	60	100	200	420
2	Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi hệ thống văn bản quản lý nội bộ và quy trình làm việc của Nhà trường	0	40	80	120	150	390
3	Triển khai thông tin đầy đủ hệ thống văn bản và quy trình làm việc đến mọi viên chức, người lao động và người học trong Trường	0	20	40	60	80	200
4	Xây dựng biểu mẫu tiếp nhận hồ sơ theo dạng số hóa trong các hoạt động nội bộ của Nhà trường	20	50	50	50	50	220
Mục tiêu cụ thể 4: **Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Nhà trường trên tinh thần kiến tạo, phục vụ**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**840**
1	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn Trường để tăng tính liên thông, liên kết nhằm tối đa hóa nguồn lực của cơ sở đào tạo	20	40	60	80	100	300
2	Xây dựng biểu mẫu tiếp nhận hồ sơ, ví dụ phiếu tiếp nhận hồ sơ, thời gian giải quyết công việc,...	20	20	40	60	80	220
3	Thường xuyên tổ chức giao ban giữa phòng, ban, khoa, trung tâm nhằm nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các đơn vị.	20	30	60	90	120	320

❖ **CHIẾN LƯỢC 2 – CHIẾN LƯỢC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC**

Mục tiêu chung: Phát triển đội ngũ viên chức và người lao động đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phù hợp với cơ chế tự chủ của Trường theo định hướng đại học nghiên cứu có tính liên ngành.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*: Tăng tỷ lệ đội ngũ viên chức và người lao động có trình độ chuyên môn cao.**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**1.370**
1	Tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	90	110	150	165	165	680
2	Xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động	10	20	40	80	150	300
	Triển khai thực hiện trong toàn Trường công tác rà soát tiến độ học tập nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy (tháng 9 hàng năm)	20	20	50	100	200	390
3	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên xác định theo ngành đào tạo	-	-	-	-	-	-
***Mục tiêu cụ thể 2*: Phát triển và thu hút đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**800**
1	Triển khai công tác xét chức danh GS, PGS	100	100	100	100	100	500

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
2	Xây dựng đề án thu hút chuyên gia trong nước và quốc tế	50	50	50	50	100	300
Mục tiêu cụ thể 3: Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức, người lao động							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**4.710**
	Cử viên chức được quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tham gia lớp đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị	125	125	125	125	125	625
	Cử viên chức quản lý thuộc đối tượng 3 tham gia lớp bồi dưỡng an ninh quốc phòng	40	40	80	40	40	240
	Cử viên chức quản lý thuộc đối tượng 3 tham gia lớp bồi dưỡng an ninh quốc phòng	40	40	40	40	40	200
	Tổ chức lớp bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý dành cho viên chức quản lý	40	40	40	40	80	240
	Tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng lưu trữ và quản trị văn phòng, văn hoá giao tiếp công sở dành cho viên chức hành chính	25	25	25	50	50	175
	Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp hoặc chuyên đề phù hợp nhu cầu	0	20	40	40	80	180

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
	Tổ chức tập huấn công tác hành chính đối với chuyên viên tại các phòng, ban, khoa	10	20	50	50	70	200
	Phối hợp tổ chức chuyên đề hướng dẫn công bố quốc tế dành cho giảng viên, nghiên cứu viên trẻ	15	50	150	300	500	1.015
	Cử viên chức và người lao động tham gia chương trình thạc sĩ	0	50	200	200	300	750
	Cử viên chức và người lao động tham gia chương trình tiến sĩ	0	50	200	300	400	950
3	Hoàn thiện và triển khai hiệu quả Đề án đánh giá, xếp loại VC-NLĐ theo Đề án vị trí việc làm để xây dựng đội ngũ viên chức và người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn của Trường đại học theo định hướng nghiên cứu, phù hợp cơ chế tự chủ của Nhà trường	20	20	10	5	0	55
4	Xây dựng kế hoạch số hóa hồ sơ nhân sự, sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, sắp xếp, lưu trữ, mã hóa	0	50	20	5	5	80

- **CHIẾN LƯỢC 3 – CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH – CƠ SỞ VẬT**
- **CHIẾN LƯỢC 3.1 – TÀI CHÍNH**

Mục tiêu chung: Đảm bảo nguồn lực tài chính theo yêu cầu phát triển của Trường.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Kinh phí dự kiến
***Mục tiêu cụ thể 1*: Tăng nguồn thu cả về quy mô và cơ cấu từ các hoạt động của Trường**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**940**
1	Xây dựng đề án đổi mới cơ chế hoạt động	100	100	0	0	200	400
2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ giáo dục đào tạo	40	40	0	0	200	240
3	Xây dựng hệ thống các chính sách tài chính hỗ trợ hoạt động cho các đơn vị	20	40	60	80	100	300
4	Phát triển nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ	-	-	-	-	-	-
5	Tìm kiếm các nguồn tài trợ trong và ngoài nước	-	-	-	-	-	-
***Mục tiêu cụ thể 2*: Sử dụng hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tài chính**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**760**
1	Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ Trường theo hướng tự chủ đại học	20	40	50	100	150	360
2	Xây dựng và thực hiện quy định trích lập và sử dụng các quỹ hoạt động của Trường	-	-	-	-	-	-
3	Phân tích, dự báo, hoạch định tài chính hàng năm	10	40	100	200	150	400
***Mục tiêu cụ thể 3*: Nâng cao thu nhập cho viên chức và người lao động**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**140**

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Kinh phí dự kiến
1	Hoàn thiện hệ thống chính sách về thu nhập cho Viên chức - Người lao động	0	20	40	40	40	140
2	Tăng thu nhập cho Viên chức - Người lao động hàng năm	-	-	-	-	-	-

❖ **CHIẾN LƯỢC 3.2 – CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Mục tiêu chung: Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng theo mô hình các trường đại học tiên tiến trong khu vực.

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*:**	**Đáp ứng đầy đủ và phù hợp cơ sở vật chất, trang thiết bị**						
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**237.170**
1	Xây dựng hệ thống phòng ốc đáp ứng đa dạng các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Trường	28.700	47.000	45.400	56.000	49.300	226.400 NS:121.700 WB: 104.700
2	Triển khai, xây dựng cảnh quan theo mô hình đại học xanh	50	100	100	200	300	750
3	Chuẩn hóa công tác vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị	20	50	100	100	150	420

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
4	Cung cấp nguồn tài nguyên học liệu theo hướng số hóa phục vụ cho các hoạt động của Trường	1.200	1.560	1.920	2.280	2.640	-NSNN: 9.600
***Mục tiêu cụ thể 2*:** **Hoàn thiện hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động quản trị đại học**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**42.210**
1	Triển khai các dự án xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin	3.000	8.000	10.000	10.000	10.000	41.000
2	Chuyên nghiệp hóa đội ngũ quản trị công nghệ thông tin	20	20	100	200	300	640
3	Đồng bộ và chuẩn hóa việc sử dụng hệ thống công nghệ thông tin trong các hoạt động của Trường	20	20	40	50	100	230
	Tổ chức tập huấn cho chuyên viên và người lao động	20	20	50	100	150	340

❖ CHIẾN LƯỢC 4- CHIẾN LƯỢC VỀ ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Mục tiêu chung:

- Phát triển chương trình đào tạo liên ngành đáp ứng triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của nhà trường theo hướng hiện đại hoá và hội nhập quốc tế;
- Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng chuyển đổi số để thích ứng với bối cảnh cuộc phát triển khoa học công nghệ 4.0.

- Củng cố và gia tăng các hoạt động kiểm định theo các chuẩn kiểm định trong và ngoài nước; xây dựng thành công văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*: Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo liên ngành có nhu cầu xã hội cao thể hiện bản sắc Khoa học Xã hội và Nhân văn**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**6.300**
1	Hoàn thiện chương trình giảng dạy các môn Đại cương theo đề án Khoa Khoa học liên ngành	500	500	550	550	605	2.750
2	Hoàn thiện chương trình giảng dạy các môn tiếng Anh chuyên ngành thuộc khoa khoa học liên ngành	-	10	-	20	-	30
3	Giảng dạy các môn kỹ năng mềm cho sinh viên	-	50	-	-	-	50
4	Triển khai và mở rộng các chương trình liên thông giữa các bậc học	-	50	100	60	60	270
5	Triển khai chương trình đào tạo song ngành	50	-	-	-	-	50
6	Xây dựng đề án mở ngành mới	500	400	350	600	500	2.350
7	Mở các ngành đào tạo theo hướng chương trình ưu việt; chương trình đào tạo từ xa; chương trình chính phụ	-	200	200	120	120	640

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
8	Triển khai bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học KHXH&NV	-	30	-	-	-	30
	Lồng ghép bộ phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học KHXH&NV vào đề cương chi tiết của các môn học Đại cương	-	50	-	50	30	130
***Mục tiêu cụ thể 2*: Tiếp tục xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo quốc tế theo hướng liên kết một phần hoặc toàn phần**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**480**
1	Chủ động mở rộng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế	100	200	60	60	60	480
***Mục tiêu cụ thể 3*: Điều chỉnh, phát triển các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập chuẩn quốc tế.**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**1.700**
	Số lượng khoa có ít nhất 01 môn học có một phần thời lượng giảng dạy hoặc chuyên đề bằng ngôn ngữ Quốc tế	-	-	-	-	-	-
	Nâng cao tỷ lệ học ngoại ngữ không chuyên	-	-	-	-	-	-
	Tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cho giảng viên	50	50	50	50	50	250
	Hoàn thiện giáo trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ	50	50	50	50	50	250
	Kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ	120	120	120	120	120	600

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
	Xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ	70	70	70	70	70	350
	Truyền thông quy chế, phương pháp dạy và học ngoại ngữ ; Tọa đàm: lợi ích về việc học ngoại ngữ; Truyền thông qua fanpage.	50	50	50	50	50	250
Mục tiêu cụ thể 4: **Xây dựng cơ chế, quy định về đào tạo thúc đẩy học tập suốt đời**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**50**
1	Xây dựng các định chế nhằm thúc đẩy chương trình học tập suốt đời	-	30	-	-	-	50
Mục tiêu 5: Hoàn thiện và phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến (ĐTTT)							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**630**
1	Hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến		30	100	200	300	630
***Mục tiêu cụ thể 6*: Đa dạng hóa và phát huy hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn kiểm định chất lượng trong và ngoài nước**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**13.230**
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm định và tái kiểm định cấp cơ sở đào tạo; cải tiến sau đánh giá ngoài	30 (Cập nhật dữ liệu)	1.000 (Kiểm định cấp CSĐT)	150 (Cải tiến sau ĐGN)	150 (Cải tiến sau ĐGN)	150 (Cải tiến sau ĐGN)	1.480

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
2	Đẩy mạnh xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm định các chương trình đào tạo theo các bộ kiểm định tiểu chuẩn chất lượng đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của Trường và cải tiến sau đánh giá ngoài	600 (Đánh giá 4 CTĐT)	1.400 (Kiểm định 8 CTĐT)	1.600 (Kiểm định 9 CTĐT)	2.000 (Kiểm định 10 CTĐT)	2.500 (Kiểm định 12 CTĐT)	8.100
3	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ có kiến thức về đảm bảo chất lượng, quản lý chất lượng và kiểm định chất lượng	50	50	50	50	50	250
4	100% các chương trình đào tạo cử nhân và 50% các CTĐT Thạc sỹ thực hiện tự đánh giá và cải tiến. 100% các khoa sử dụng hiệu quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan và dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng; đẩy mạnh văn hóa chất lượng đồng bộ	400 (10 CTĐT tự đánh giá)	600 (10 CTĐT)	800 (12 CTĐT)	800 (12 CTĐT)	800 (12 CTĐT)	3.400

❖ CHIẾN LƯỢC 5 – CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu chung:

- Xây dựng đơn vị trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về KHXH&NV trong cả nước, tiến tới trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu uy tín và chất lượng của khu vực châu Á.
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu KH&CN và năng lực công bố khoa học, đóng góp thiết thực cho chiến lược phát triển KT-VH-XH của đất nước và các địa phương.

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*:**	**Phát triển và đa dạng hóa nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học**						
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**186.000**
1	Chủ động khai thác các dự án đầu tư chiều sâu cho KH&CN, tăng cường năng lực nghiên cứu của ĐHQG TP.HCM.	0	10.000	10.000	10.000	5.000	35.000
2	Hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư và xây dựng Trung tâm nghiên cứu KHXH&NV phục vụ cộng đồng trực thuộc Trung tâm nghiên cứu tiên tiến ĐHQG-HCM.	0	0	0	0	80.000	80.000
3	Hoàn thiện và triển khai đề án "Tái cơ cấu hoạt động khoa học & công nghệ Trường ĐH KHXH&NV".	-	1.000	2.000	3.000	5.000	11.000
4	Tăng nguồn kinh phí dành cho NCKH thông qua các hình thức: - Đa dạng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN như: nguồn ngân sách NN, nguồn thu sự nghiệp Trường, tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế; - Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động hội nghị/ hội thảo khoa học có vốn đối ứng từ bên ngoài; - Tăng cường triển khai các kế hoạch, đề tài NCKH gắn với chuyển giao KH&CN;	10.000	11.000	12.000	13.000	14.000	60.000

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
	- Tối ưu việc sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí dành cho NCKH của trường.						
***Mục tiêu cụ thể 2*: Nâng cao năng lực NCKH và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**24.650**
1	Duy trì và nâng cao hiệu quả Hội nghị NCKH SV hằng năm nhằm tạo sự lan tỏa hoạt động NCKH trong SV	500	550	600	650	700	3.000
	Tăng số lượng và kinh phí hỗ trợ thực hiện cho các đề tài NCKH SV	1.500	1.600	1.700	1.800	1.900	8.500
2	Nâng cao năng lực nghiên cứu cho HVCH &NCS qua việc hỗ trợ kinh phí thực hiện các đề tài NCKH và hội thảo	100	120	140	160	180	700
3	Tổ chức hội thảo thường niên dành cho HVCH & NCS	300	350	400	450	500	2.000
4	Thể chế hóa hoạt động NCKH, đồng thời khuyến khích & hỗ trợ các đối tượng tham gia NCKH	50	50	50	50	50	250
5	Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về kỹ năng NCKH cho mọi đối tượng	100	150	200	250	300	1.000
6	Nâng cao số lượng và chất lượng của các đề tài NCKH cấp Cơ sở	1.000	1.200	1.400	1.600	2.000	7.200

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
7	Định hướng tổ chức các hội thảo khoa học mang tính liên ngành và kết hợp	300	350	400	450	500	2.000
Mục tiêu 3: Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy năng lực nghiên cứu khoa học và công bố khoa học							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**19.985**
1	Đẩy mạnh phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế nhằm tổ chức các hội nghị/ hội thảo khoa học, nghiên cứu và công bố chung	300	350	400	450	500	2.000
2	Thể chế hóa hoạt động công bố khoa học	50	60	70	75	80	335
3	Xây dựng mới Tạp chí chuyên ngành trong lĩnh vực KHXH&NV	50	200	150	150	100	650
4	Thành lập Trung tâm hỗ trợ công bố quốc tế (HTCBQT): Bổ nhiệm nhân sự và kinh phí hoạt động trong giai đoạn 10 năm. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn các khoa ngắn hạn về các kỹ năng công bố khoa học quốc tế	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000
5	Đưa Tạp chí phát triển KH&CN: Khoa học Xã hội và Nhân văn vào danh mục tính điểm của tất cả Hội đồng GSNN thuộc lĩnh vực KHXH&NV (07 ngành/ liên ngành)	150	150	150	150	150	750

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
6	Duy trì và nâng dần chế độ ưu đãi, mức khen thưởng đối với công bố khoa học quốc tế	1.000	1.500	2.000	2.500	3.000	10.000
7	Phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh có sự tham gia của các nhà nghiên cứu quốc tế	150	200	250	300	350	1.250
Mục tiêu cụ thể 4: **Nâng cao chất lượng các nghiên cứu cơ bản và đẩy mạnh các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực KHXH&NV**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**5.900**
1	Xác định các lĩnh vực NCCB trọng tâm hàng năm.	20	20	20	20	20	100
2	Ưu tiên triển khai các đề tài NCKH có tính ứng dụng.	100	200	250	300	350	1.200
3	Tăng cường các nghiên cứu liên ngành dựa trên sức mạnh hệ thống của ĐHQG-HCM.	300	400	500	600	700	2.500
4	Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH của trường.	50	100	100	100	100	450
5	Định hướng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách, chiến lược về KT-XH tại các địa phương; và vào việc phát triển ngành	100	200	250	300	350	1.200
6	Chủ động quảng bá và thực hiện các nghiên cứu theo nhu cầu của đối tác.	50	100	100	100	100	450

NỘI DUNG		2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
7	Tăng cường vai trò của Công ty TNHH DV khoa học và du lịch Văn Khoa trong việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và tạo nguồn thu.	0	0	0	0	0	0
***Mục tiêu cụ thể 5*: Tăng cường gắn kết địa phương và phục vụ cộng đồng**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**3.900**
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu phát triển KT, VH, XH của địa phương để đưa ra các chương trình, kế hoạch hợp tác phù hợp.	50	100	100	100	100	450
2	Tích cực hỗ trợ các địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực, hỗ trợ và hợp tác với địa phương trong hoạt động khoa học công nghệ, tư vấn và giải quyết các vấn đề cấp bách.	100	200	200	200	200	900
3	Đẩy mạnh các nghiên cứu gắn với sản phẩm đầu ra phục vụ nhu cầu thực tiễn của địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.	100	500	500	500	500	2.100
4	Phát huy vai trò và gắn nhiệm vụ của các TTNC thuộc Trường trong công tác tư vấn chính sách, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng đối với các địa phương.	50	100	100	100	100	450

❖ CHIẾN LƯỢC 6 – CHIẾN LƯỢC VỀ CÔNG TÁC NGƯỜI HỌC VÀ VĂN HÓA ĐẠI HỌC

Mục tiêu chung:

- Quán triệt Sứ mệnh, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục, Giá trị cốt lõi của Nhà trường trong giai đoạn mới;
- Xây dựng văn hóa người nhân văn, chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong nhà trường và cộng đồng xã hội;
- Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho sinh viên;
- Định vị thương hiệu sinh viên nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

	NỘI DUNG	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng kinh phí 5 năm
***Mục tiêu cụ thể 1*: Mỗi viên chức, người lao động và người học hiểu Bộ giá trị cốt lõi (GTCL của trường ĐH. KHXH&NV, ĐHQG-HCM "Sáng tạo - Dẫn dắt - Trách nhiệm"**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**100**
1	Đẩy mạnh truyền thông xã hội nhằm lan tỏa rộng rãi Bộ GTCL của Nhà trường trong viên chức, người lao động, người học và cộng đồng xã hội.	20	20	20	20	20	100
***Mục tiêu cụ thể 2*: Xây dựng và Ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn", chia sẻ các giá trị và lan tỏa lối sống nhân văn trong nhà trường và cộng đồng xã hội.**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**200**
1	Xây dựng và Ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa "Người Nhân văn"	20	20	20	20	20	100
2	Duy trì và nâng cao chất lượng các buổi đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo Trường, Khoa/ Bộ môn, Công đoàn, Đoàn	20	20	20	20	20	100

	Thanh niên, Hội sinh viên với viên chức, người lao động, người học						
***Mục tiêu cụ thể 3*: Xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt đạt chuẩn quốc tế cho sinh viên**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**1.775**
1	Xây dựng môi trường học tập theo hướng tiếp cận tri thức quốc tế, trở thành một công dân toàn cầu	100	100	100	100	100	500
2	Xây dựng môi trường sinh hoạt năng động, tự tin hội nhập quốc tế	100	100	100	100	100	500
3	Đảm bảo dịch vụ và tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần	250	250	250	250	250	750
4	Tìm kiếm nguồn học bổng cho người học, đặc biệt người học thuộc nhóm cần hỗ trợ, khuyến khích	5	5	5	5	5	25
***Mục tiêu cụ thể 4*: Định vị thương hiệu sinh viên nhân văn có đủ năng lực và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội, có trách nhiệm phục vụ cộng đồng.**							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**100**
1	Xây dựng bộ quy chuẩn nhận diện sinh viên nhân văn	20	20	20	20	20	100
2	Quy định sinh viên phải tham gia ít nhất 01 hoạt động vì cộng đồng trong thời gian học tập tại trường là điều kiện bắt buộc để sinh viên đủ điều kiện được xét công nhận tốt nghiệp.	-	-	-	-	-	-
3	Có chương trình hỗ trợ sinh viên lập và thực hiện chiến lược phát triển bản thân	-	-	-	-	-	-
***Mục tiêu cụ thể 5:* Phát triển hoạt động cựu sinh viên**							

KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**790**
1	Xây dựng hệ thống nhân sự ban liên lạc cựu SV mạnh	10	20	50	100	100	280
2	Triển khai các kế hoạch gắn kết CSV – Nhà trường	10	20	50	50	70	200
3	Triển khai kế hoạch gắn kết CSV - CSV	10	50	50	100	100	310
<u>Mục tiêu cụ thể 6:</u> Thực hiện hiệu quả công tác xây dựng thương hiệu và truyền thông							
KINH PHÍ THỰC HIỆN (triệu đồng)							**13.450**
1	Thực hiện truyền thông về giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục, xây dựng các thông điệp quảng bá thương hiệu của Nhà trường	200	250	300	350	400	1500
2	Thực hiện các giải pháp phát triển nhận diện thương hiệu, Xây dựng và phát triển thương hiệu trên nền tảng internet	150	200	250	300	350	1250
3	Xây dựng và phát triển thương hiệu trên nền tảng internet	150	200	250	300	350	1850
4	Thực hiện công tác dự báo, phòng ngừa, xử lý sự cố truyền thông	100	200	250	300	350	1150
5	Thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh các hệ đào tạo	500	1.500	1.700	1.900	2.100	7700